

KINH PHẬT TỰ THUYẾT

(*Udāna*)



Dịch giả
Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU

KINH PHẬT TỰ THUYẾT

CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Kinh Udāna được dịch là *Kinh Phật tự thuyết*, nghĩa là những kinh này được đức Phật tự nói, do cảm xúc mạnh sinh khởi, không ai thỉnh Phật thuyết. Cũng có khi dịch là *Kinh Vô vấn tự thuyết*, nghĩa là không có người hỏi, đức Phật tự nói. Có khi được dịch là *Kinh Những lời cảm hứng*, nghĩa là lời nói đột khởi, do cảm xúc mạnh thúc đẩy, khi đức Phật tự mình chứng kiến những sự việc xảy ra xung quanh. Theo *Upanishad*, chữ *Udāna* có nghĩa là hơi thở, sinh mệnh (*prāna, apāna, sumāna, vyāna, udāna*) ở trung tâm cô hống được phát ra.

Tập này gồm 8 phẩm, mỗi phẩm có 10 kinh. Như vậy, có 80 kinh tất cả. Để tiện tìm kiếm, khi viết (I. §2) thời hiệu là phẩm I, kinh số 2; khi viết (IV. §7) thời hiệu là phẩm IV, kinh số 7, v.v... Mỗi kinh gồm 2 phần, phần đầu văn xuôi, ghi nhận sự kiện hay câu chuyện do đức Phật chứng kiến hay do các Tỷ-kheo kể lại, và phần thứ hai là lời cảm hứng của đức Phật, phần lớn là bằng những thi kệ (*gāthā*), chỉ có 1, 2 bài kinh *Udāna* được chép bằng văn xuôi.

Trước hết là một số kinh liên hệ đến đời sống của đức Phật, như 3 kinh đầu, *Phẩm Giác ngộ* diễn tả đức Phật khi mới thành đạo, ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ-đề, suy tưởng đến lý 12 nhân duyên, thuận chiều và nghịch chiều rồi nói lên lời cảm hứng (*Ud. I. §1-3*). *Ud. II. §1* nói đến tích chuyện đức Phật ngồi nhập định gặp mưa to gió lớn, rắn Mucalinda đã quấn lấy thân mình đức Phật để che chở cho Ngài. *Ud. IV. §5* đề cập đến đức Phật bị các vị xuất gia, tại gia, vua chúa... đến làm phiền nhiễu nên Ngài bỏ đi vào núi một mình và sống với một con voi; con voi này cũng bị đàn voi quấy rầy nên đến sông một mình với đức Phật. Sự kiện khi đức Phật từ bỏ thọ hành và tuyên bố sau 3 tháng sẽ nhập Niết-bàn được *Ud. VI. §1* diễn tả. Bữa cơm cuối cùng do thợ rèn Cunda cúng dường đức Phật cũng được đề cập. Sau bữa cơm ấy, đức Phật nhuốm bệnh và không bao lâu nhập Niết-bàn. Những sự tích trên giúp chúng ta có thêm một số tài liệu về lịch sử đức Phật.

Song song với các sự tích về đời sống đức Phật, tập *Udāna* nói đến khá nhiều về các đệ tử của đức Phật, như Sāriputta, Moggallāna, Kaccāna, Subhūti, Mahākassapa, Nanda,... Mahākassapa bị bệnh, đã tu định luôn bảy ngày để tự chữa trị (*Ud. III. §7*). Nanda ban đầu mê các tiên nữ nên tu hành,

sau bị các đồng Phạm hạnh chỉ trích nên tinh tấn tu hành chứng quả A-la-hán (*Ud.* III. §2). Sāriputta ngồi nhập định bị quỷ dạ-xoa đánh trên đầu (*Ud.* IV. §4, §7). Năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja đứng đầu làm ồn bị đức Phật đuổi đi, sau đó tinh tấn tu hành chứng được quả A-la-hán (*Ud.* III. §3). Đức Phật khen Tôn giả Lakunḍaka Bhaddiya trong dung sắc xấu xí nhưng đã chứng quả giải thoát (*Ud.* VII. §5). Tôn giả Dabba Mallaputta nhập định hòa giới tự thiêu trước chúng Tăng không để lại tro tàn (*Ud.* VIII. §9-10).

Tiếp đến là các đệ tử tại gia, như nữ cư sĩ Visākhā 2 lần đến yết kiến đức Phật, một lần vì có sự việc cần phải giải quyết với Vua Pasenadi (*Ud.* II. §9), một lần có đứa cháu trai chết nên đến thưa với đức Phật (*Ud.* VIII. §8). Sự tích 500 cung nữ của Vua Udena, trong ấy có Sāmāvatī bị chết thiêu cũng được đề cập. Vua Pasenadi nước Kosala được nói đến nhiều lần trong tập này. Có một lần Vua hỏi đức Phật có thể biết được các người tu hành có chứng quả hay không, đức Phật đã trả lời rằng với những người như Vua Pasenadi sống trong đục lặc thì khó lòng biết được quả chứng của các nhà tu hành (*Ud.* VI. §2). Bao giờ cũng vậy, giữa đức Phật và các ngoại đạo cũng có những va chạm, xung khắc và các tích này được ghi nhận khá nhiều trong tập *Udāna*. Trước hết là sự kiện khi Như Lai chưa xuất hiện thời các ngoại đạo được quần chúng cung kính cúng dường, nhưng khi Như Lai xuất hiện thời sự cung kính cúng dường bị giảm thiểu (*Ud.* II. §4; VI. §10). Cũng vì vậy, ngoại đạo thù hằn đức Phật và chúng Tăng; họ giết kỹ nữ Sundarī, đem chôn ở Jetavana để vu oan cho chúng Tăng (*Ud.* IV. §8). Một sự kiện khác, dân chúng ở Thūma do ngoại đạo xúi giục đổ cỏ và rác xuống giếng để ngăn đức Phật không uống nước được (*Ud.* VII. §9). Đôi khi, đức Phật dùng một vài hình ảnh để nói đến sự cố chấp của các ngoại đạo. Chúng ta nhớ câu chuyện các người mù sờ voi, diễn tả các ngoại đạo mỗi người chấp chặt chủ thuyết của mình (*Ud.* VI. §4). Một sự kiện khác là câu chuyện một du sĩ ngoại đạo tìm dầu cho vợ mình sắp sinh, đã vào kho vua uống quá nhiều dầu để đem dầu về cho vợ, nhưng vì uống quá nhiều nên bị đau đốn, lăn lộn, khôn khổ (*Ud.* II. §6). Ngoài ra, có nhiều vấn đề xã hội rất bình thường cũng được nói đến. Như đức Phật thấy đứa con nít hành hạ con rắn (*Ud.* II. §3), dân chúng Vương Xá tranh nhau cô kỹ nữ (*Ud.* VI. §8), hay chuyện dân Sāvatti quá đắm say về dục (*Ud.* VII. §3-4) cũng được đức Phật đề cập và nói lên lời cảm hứng.

Trong 80 kinh của tập *Udāna*, 80 trường hợp được ghi nhận là đức Phật thuyết lên những lời cảm hứng sau khi cảm thấy xúc động trước một số sự kiện, và chính những lời cảm hứng mới thật là quan trọng trong tập *Udāna* này, vì đây là dịp đức Phật nói lên quan điểm của mình đối với những sự việc đã xảy ra xung quanh. Và chính những quan điểm ấy đã trở thành những giáo lý chính đức Phật đã trình bày và giảng dạy. Chúng ta cũng tìm được những pháp và tùy pháp mà đức Phật thuyết giảng ngang qua các lời cảm hứng ấy.

Trước hết là lý 12 nhân duyên hay lý duyên khởi được trình bày 3 lần, trong 3 kinh đầu *Ud.* I. §1-3, thuận chiều, nghịch chiều, thuận chiều và nghịch chiều, từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc cho đến duyên sanh-lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não. Quá trình sanh tử của con người từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến tương lai được khéo cô đọng trong thuyết duyên khởi. Bao giờ cũng vậy, đức Phật nhắm đến trong đây chuyện sanh tử, 2 pháp dục và ái rất quan trọng. Và do vậy có nhiều lời cảm hứng đề cập đến dục và ái. Trong *Ud.* VII. §4, dân chúng Sāvatthi quá đắm say về dục nên đức Phật đã nói:

“Bị mù bởi các dục,	Bị bao phủ bởi lưới,
Bị ái dục bao trùm,	Lại còn bị trói buộc,
Bởi thân bằng phóng dật.	Như cá mắc miệng lưới,
Họ đi đến già chết,	Như bê bú sữa mẹ.”

Với ái, có thân yêu là có đau khổ. Khi Visākhā đến than với đức Phật có đứa cháu trai mới chết, đức Phật đã nói: “Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ấy có chín mươi sự đau khổ. Những ai có tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ. Những ai có bảy mươi... có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi... có hai mươi... có mười... có chín... có tám... có bảy... có sáu... có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ.” (*Ud.* VIII. §8)

“Sầu, than và đau khổ,	Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,	Không thân ái, chúng không.
Do vậy người an lạc,	Người không có sầu muộn
Là những ai ở đời,	Không có người thân ái,
Do vậy ai tha thiết,	Được không sầu, không tham,
Chớ làm thân, làm ái,	Với một ai ở đời.”

Dục và ái đã có mặt thì có sanh y, có sự tiếp nối một đời sống, nên có sanh y là có đau khổ:

“Giữa làng, tại núi rừng,	Cảm thọ khổ và lạc,
Chớ quy về tự mình,	Chớ quy về người khác.
Các xúc được cảm thọ,	Là do duyên sanh y,
Với vị không sanh y,	Do đâu xúc, cảm thọ.”

(*Ud.* II. §4)

Khi đức Phật từ bỏ thọ hành (*Ud.* VI. §1), Ngài muốn cắt đứt mọi hành động sanh hữu:

“Cân nhắc giữa Niết-bàn,	Và nguồn sanh của hữu,
Bậc Ân sĩ từ bỏ,	Các hành động sanh hữu,
Ưu thích hướng nội tâm,	Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đổ ngã sanh hữu,	Như phá tan áo giáp.”

Trong nhiều kinh, đức Phật tán thán các đệ tử tu thiền định vì đó là con đường đưa đến giải thoát. Trong *Ud. III. §5*, Ngài Mục-kiền-liên ngồi thiền định tu thân hành niệm được đức Phật nói lên lời cảm hứng:

“Thân hành niệm an lập, Sáu xúc xứ chế ngự,
Tỷ-kheo thường thiền định, Tự chứng tri Niết-bàn.”

Trong *Ud. III. §4*, Ngài Xá-lợi-phất ngồi thiền định, đề niệm trước mặt, không xa Thế Tôn bao nhiêu và Thế Tôn nói lên lời cảm hứng:

“Nhu ngọn núi bằng đá, Không động, khéo an trú,
Cũng vậy vị Tỷ-kheo, Đoạn diệt được ngu si,
Nhu ngọn núi bằng đá, Không có bị dao động.”

Ngài Tu-bồ-đề (*Subhūti*) tu định Không tâm (*Avitakkamsamādhī*) được Thế Tôn tán thán và nói lời cảm hứng:

“Với ai, tâm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn, Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc, Vượt khỏi bốn ách phược,
Không đi đến thọ sanh.”

(*Ud. VI. §7*)

Nhưng đức Phật nhận thấy đối với chúng sanh, “khó thấy là vô ngã, khó thấy là sự thật”, nên đức Phật thường dạy cho các đệ tử biết quán chiếu về “vô ngã.”

“Trên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán, ‘Cái này chính là tôi.’
Giải thoát vậy vượt dòng, Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt, Vào sanh hữu thọ sanh.”

(*Ud. VII. §1*)

Mục đích cuối cùng của sự tu hành là thành tựu giải thoát Niết-bàn, và trong tập *Udāna* có nhiều kinh về lời cảm hứng đề cập đến trạng thái Niết-bàn, một trạng thái khó dùng danh từ để diễn tả.

Bāhiya Dārucīriya tu tập, tưởng mình đã chứng quả A-la-hán được đức Phật dạy cho: “*Vậy này Bāhiya, ông cần phải học tập như sau: ‘Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri.’ Như vậy, này Bāhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bāhiya, nếu với ông, trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri; thì ông không có cái ấy. Này Bāhiya, nếu ông không có cái ấy thì ông không ở trong ấy. Này Bāhiya, nếu ông không ở trong ấy thì ông không có đời này, không có đời sau, không có chặng giữa hai đời, như vậy là đoạn tận khổ đau.*” (*Ud. I. §10*)

Đoạn sau đây cũng là đoạn diễn tả Niết-bàn trong lời cảm hứng bằng văn xuôi (Ud. VIII. §1): “Này các Tỷ-kheo, có xứ này (āyatana), tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tướng phi phi tướng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng và mặt trời. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau.”

Đoạn tiếp cũng diễn tả trạng thái Niết-bàn: “Này các Tỷ-kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.” (Ud. VIII. §3)

Đây cũng là lời cảm hứng của Phật về trạng thái Niết-bàn giải thoát: “Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động; cái gì không có nương tựa, cái ấy không có dao động; không có dao động thì có khinh an; có khinh an thì không có thiên về; không có thiên về thì không có đến và đi; không có đến và đi thì không có diệt và sanh; không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có khoảng giữa hai đời. Đây là sự đoạn tận khổ đau.” (Ud. VIII. §4).

Như vậy, trong tập *Udāna* này, ngang qua các câu cảm hứng do đức Phật thuyết lên, một số giáo lý căn bản đề cập pháp môn tu hành, đề cao mục đích tối hậu và sứ mệnh hoằng pháp của đức Phật cũng được diễn tả đến.

(Lời Giới thiệu Kinh Phật tự thuyết, 1982)



DẪN LUẬN KINH PHẬT TỰ THUYẾT (UDĀNA)

1. Về từ ngữ

Tự thuyết hay *Tự thuyết kinh* (自說經, *Exclamations, Uplifting Verses*) viết đầy đủ là *Kinh Phật tự thuyết*, được dịch âm trong chữ Hán là “Ưu-đà-na” (優陀那)¹ và được dịch nghĩa là “Lời cảm hứng” (感興語, cảm hứng ngữ, *an emotional utterance, inspired utterances*)² là tuyển tập 80 bài thi kệ cảm hứng (感興) hay “Vô vấn tự thuyết” (無問自說) được đức Phật nói lên (*Buddha’s utterances*) trong 80 tình huống, bối cảnh rất tự nhiên, không có người đại diện thưa hỏi hay thỉnh cầu trong pháp hội.³

Theo *Pāli - Hán từ điển* (巴漢詞典) của Bhikkhu Mahāñāṇo, *Udāna* là “cảm hứng được khởi lên, một loại phát biểu bằng tình cảm” (有感而發表, 一種情緒地發表). Trong *Từ điển Pāli - Việt*, Hòa thượng Bửu Chơn có cùng cách định nghĩa này: “Sự phát biểu bằng tình cảm hay xúc động.”

Trong văn học Ấn Độ giáo, chữ “*udāna*” có nghĩa là “sự thở ra” (*breathing out*), ở đây được hiểu là sự phát ngôn dưới hình thức thi ca, được cảm hứng từ cảm xúc mãnh liệt, đặc biệt.⁴

2. Về niên đại và bản dịch tiếng Anh

Phần lớn các học giả thống nhất khi cho rằng *Kinh Phật tự thuyết* là một trong các bản văn Phật giáo có niên đại ra đời sớm nhất, đang khi cũng có học giả cho rằng kinh này ra đời muộn hơn.⁵ Khi đối chiếu văn bản, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng có nhiều bài kinh trong *Kinh Phật tự thuyết* trùng lặp với các đoạn kinh trong *Kinh Trường bộ*, *Kinh Trung bộ*, *Kinh Tăng chi bộ*, *Kinh Tương ưng bộ*; cũng có các bài kinh do các vị đệ tử Thánh nói. Do đó, niên đại

¹ Thể loại này thỉnh thoảng xuất hiện trong *Khởi thế kinh* 起世經 (T.01. 0024.7. 0345c17); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.64. 0016c04); *Phật bản hạnh tập kinh* 佛本行集經 (T.03. 0190.4. 0672a04).

² Tham chiếu *Concise Pali-English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera.

³ Tham chiếu: Mục từ “*Vô vấn tự thuyết*” trong từ điển *Buddhist Door* online (<https://www.buddhistdoor.net/dictionary/details>): “Spoken voluntarily and not in reply to questions or appeals.” (truy cập ngày 14/1/2021).

⁴ Tham chiếu từ điển *Pali-English Dictionary* của Pali Text Society: “An utterance mostly in metrical form, inspired by a particularly intense emotion.”

⁵ Tham chiếu: L. S. Cousins trong quyển *Buddhist Studies in Honour of Hammalawa Saddhatissa*, do Dhammapala, Gombrich & Norman biên tập, University of Jayawardanepura, 1984, p. 56.

của 80 bài kinh ngắn này thuộc hai nhóm niên đại: Giai đoạn đầu và giai đoạn phát triển về sau.

Một số bản dịch tiếng Anh chọn lọc được sử dụng tham khảo cho bài viết này như:

- Ānandajoti, Bhikkhu, (tr.), *Udāna Exalted Utterances (Udāna - Lời cảm hứng)*. Third revised version, November 2011, with notes.⁶

- Ānandajoti, Bhikkhu, *A Comparison of the Pāli Udānas and the Buddhist Hybrid Sanskrit Udānavarga (So sánh Kinh Phật tự thuyết bản Pāli và Phẩm Cảm hứng ngữ bản Sanskrit hỗn hợp Phật giáo)*, 2003.⁷

- Dewarakkhita, Bihalpola Siri Thera (ed.), *Paramatthadīpanī or the Commentary to the Udāna (Chú giải Kinh Phật tự thuyết)*, (Colombo, 1920, reprinted Colombo, 1990).

- Ireland, John D., (tr.), *The Udāna: Inspired Utterances of the Buddha (Kinh Phật tự thuyết: Lời cảm hứng của đức Phật)*, (Kandy, Sri Lanka: Buddhist Publication Society, 1990).

- *The Udānapāli (Kinh Phật tự thuyết bản Pāli)*, ed. by Belideniye Siridhamma Thero (Colombo, 1983).

3. Sự trùng lặp của Kinh Phật tự thuyết trong Kinh tạng và Luật tạng

Dưới đây, tôi trích dẫn 2 bảng đối chiếu các bài kinh trong *Udāna* trùng lặp với các kinh khác thuộc Tam tạng Pāli, được Bhikkhu Ānandajoti dịch ra tiếng Anh, in trong quyển “*Udāna Exalted Utterances*” vào năm 2008.⁸ Lưu ý rằng, 2 bảng này, Bhikkhu Ānandajoti sử dụng trên bản Pāli Tích Lan.

Hai bảng đối chiếu dưới đây cung cấp cho chúng ta dữ liệu về sự trùng lặp giữa *Kinh Phật tự thuyết* với các bài kinh trong Kinh tạng và Luật tạng Pāli. Điều này cho thấy *Kinh Phật tự thuyết* thuộc dạng tuyển chọn các bài kinh ngắn trong Kinh tạng và Luật tạng, ở chừng mực tương đối giống với *Kinh Pháp cú* vốn là tập đại thành nhiều thi kệ trong 4 bộ kinh Pāli.

⁶ <http://www.ancient-buddhist-texts.net/Texts-andTranslations/Udana/index.htm/> (truy cập ngày 13/2/2021).

⁷ Xem <http://www.ancient-buddhist-texts.net/BuddhistTexts/C2-Udana-Parallels/index.htm/> (truy cập ngày 13/2/2021).

⁸ Các chữ viết tắt vẫn giữ nguyên như trong quyển *Udāna Exalted Utterances*.

Bảng 1 (Văn xuôi và thi kệ)

<i>Kinh Phật tự thuyết:</i>	Tương ứng với:
Paṭhamabodhisuttaṃ 1-1	Vinaya Mahāvagga: Bodhikathā
Dutiyabodhisuttaṃ 1-2	Vinaya Mahāvagga: Bodhikathā
Tatiyabodhisuttaṃ 1-3	Vinaya Mahāvagga: Bodhikathā
Nigrodhasuttaṃ 1-4	Vinaya Mahāvagga: Ajapālakathā
Mucalindasuttaṃ 2-1	Vinaya Mahāvagga: Mucalindakathā
Bhaddiyasuttaṃ 2.10	Saṅghabhedakkhandhakam: ChaSakyapabbajjākathā
Nāgasuttaṃ 4.5	Kosambakakkhandhakam: Pāḷeyyakagamanakathā
Rājasuttaṃ 5-1	Mallikāsuttaṃ, Kosalasamhyuttaṃ, SN. 3.8
Uposathasuttaṃ 5-5	Pātimokkhaṭṭhapanakkhandhakam: Imasmimmdhammavinaye-atthacchariyam
Soṇasuttaṃ 5-6	Cammakkhandhakam: Mahākaccānassa Pañcavaraparidassanā
Ānandasuttaṃ 5-8	Saṅghabhedakkhandhakam: Pañcavatthuyācanakathā
Āyusañkhāravossajanasuttaṃ 6-1	Mahāparinibbānasuttaṃ, DN.16 Iddhipādasamhyuttaṃ, SN. 51.10 AN. VIII.vii.10
Cundasuttaṃ 8-5	Mahāparinibbānasuttaṃ, DN.16
Pāṭaligāmiyasuttaṃ 8-6	Mahāparinibbānasuttaṃ, DN.16 Bhesajjakkhandhakam: Sunidhavassakāravatthu

Bảng 2 (Thi kệ)

<i>Kinh Phật tự thuyết:</i>	<i>Tương ứng với:</i>
Kassapasuttam 1-6	<i>Nid.</i> II chú giải về <i>Sn.</i> 65
Jaṭilasuttam 1-9 cd	<i>Dhp.</i> 393cd
Bāhiyasuttam 1-10	Bāhiyattherassāpadānam
Mucalindasuttam 2-1	Kathāvatthu: Hevatthikathā, Dutiyavaggo 1
Daṇḍasuttam 2-3	<i>Dhp.</i> 131-132
Sāriputtasuttam 3-4	<i>Th.</i> 651 (Revata), <i>Th.</i> 999 (Sāriputta)
Pilindivacchasuttam 3-6a-c	<i>Sn.</i> 473a-c
Lokavolokanasuttam 3-10	<i>Sn.</i> 593ab; cf. Saḷāyatanavibhaṅgasuttam, <i>MN.</i> 149; cf. Saḷāyatanaśāmyuttam, <i>SN.</i> 35.31; cf. Khandhasāmyuttam, <i>SN.</i> 22.41;
Gopālasuttam 4-3	<i>Dhp.</i> 42
Junhasuttam 4-4	<i>Th.</i> 192 (Khitaka)
Piṇḍolasuttam 4-6	Mahāpadānasuttam (<i>DN.</i> 14), Cārikā-anujānanam <i>Dhp.</i> 185
Sāriputtasuttam 4-7	<i>Th.</i> 68 (Ekuddāniya); Pācittiyakaṇḍam, Atthaṅgatasikkhāpadam
Upasenasuttam 4-9 vs.2	<i>Sn.</i> 751
Kumārakasuttam 5-4c-h	Dhanapālasaṭṭhipetavatthu Pv. 243cd, 244
Uposathasuttam 5-5	<i>Th.</i> 447 (Sirimaṇḍa); Pātimokkhatthapanakkhandhakam: Imasmimmdhammavinaye-atthacchariyam Parivārapāli: Gāthasaṅgaṇikam
Revatasuttam 5-7	Kaṅkhārevatattherassāpadānam Kathāvatthu: Kaṅkhākathā
Saddhāyamānasuttam 5-9	<i>MN.</i> 128; Kosambiyajātakam <i>Ja.</i> 428; Kosambakakkhandhakam: Dīghāvuvatthu
Panthakasuttam 5-10d-f	Sarabhaṅgajātakam, <i>Ja.</i> 522
Subhūtisuttam 6-7ab	<i>Sn.</i> 7ab
Dutiyasattasuttam 7-4a-d	<i>Th.</i> 297a-d (Rāhula)
Lakunṭakabhaddiyasuttam 7-5	Cittasāmyuttam <i>SN.</i> 41.5
Taṇhākkhayasuttam 7-6d-f	<i>Dhp.</i> 230b-d; <i>AN.</i> IV.i.6d-f; <i>AN.</i> IV.i.8d-f; <i>AN.</i> V.v.2h-j 9
Papañcakkhayasuttam 7-8cd	Các dòng cd xuất hiện theo thể văn xuôi trong Āneñjasappāyasuttam (<i>MN.</i> 106); <i>AN.</i> VII.vi.2
Tatiyanibbānasuttam 8-3	<i>Iti.</i> 43
Catutthanibbānasuttam 8-4	Channovādasuttam (<i>MN.</i> 144); Saḷāyatanaśāmyuttam <i>SN.</i> 35.87;
Dutiyadabbasuttam 8-10	Mahāpajāpatigotamītherī-apadānam, vss. 286-287

4. Về cấu trúc và nội dung

Kinh Phật tự thuyết có 8 phẩm gồm 80 bài kinh, mỗi phẩm có 10 bài kinh ngắn. Mỗi bài kinh được cấu tạo gồm 2 phần: Phần đầu là văn xuôi, mô tả bối cảnh bài kinh, khái quát nội dung; phần hai là thi kệ trùng tụng ý nghĩa đoạn văn xuôi, thỉnh thoảng có những bài kệ độc lập. Chỉ có vài bài kinh là văn xuôi. Về mặt định thứ tự các bài kinh trong tuyển tập này được viết tắt bằng ký hiệu *Ud.* theo sau là con số thứ tự của phẩm, tiếp theo là số thứ tự của bài kinh. Ví dụ, *Ud. I. §1-3* được hiểu là các bài kinh từ thứ tự 1-3 thuộc phẩm I của *Kinh Phật tự thuyết*.

Phẩm thứ nhất có tựa đề là “*Giác ngộ*” (*Bodhivagga*, 菩提品, *Enlightenment chapter*), nói về sự giác ngộ của đức Phật dưới cội Bồ-đề tại Bồ-đề đạo tràng. Tại đây, đức Phật hình thành thuyết tương quan, tương thuộc (duyên khởi) của mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ theo chiều thuận và chiều nghịch (*Kinh thứ nhất về cội Bồ-đề* (*Paṭhamabodhisutta*), *Kinh thứ hai về cội Bồ-đề* (*Dutiyabodhisutta*), *Kinh thứ ba về cội Bồ-đề* (*Tatiyabodhisutta*), *Ud. I. §1-3*). Đức Phật đưa ra quan điểm của Ngài về tiêu chuẩn đạo đức và trí tuệ đối với các đạo sĩ Bà-la-môn (*Brāhmaṇa*), mà theo đạo Ấn Độ, họ chỉ chú trọng việc học thuộc thần chú, tu khổ hạnh, tín ngưỡng thần linh (*Kinh Huhuṅka* (*Huhuṅkasutta*), *Kinh Bà-la-môn* (*Brāhmaṇasutta*), *Kinh Mahākassapa* (*Mahākassapasutta*), *Kinh Ajakalāpaka* (*Ajakalāpakasutta*), *Kinh Saṅgāmajī* (*Saṅgāmajisutta*), *Kinh Kẻ bện tóc* (*Jaṭilasutta*), *Ud. I. §4-9*). Đức Phật tiếp nhận đạo sĩ Bāhiya làm đệ tử xuất gia, dạy kỹ năng làm chủ các nhận thức giác quan: “*Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngửi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri*”, không có sự can thiệp cảm xúc và thái độ chủ quan vào tiến trình nhận thức các sự vật như thật, nhờ đó, người tu tập được giải thoát (*Kinh Bāhiya* (*Bāhiyasutta*), *Ud. I. §10*).

Phẩm thứ hai có tựa đề là “*Mucalinda*” (*Mucalindavagga*, 目真鄰陀品, *Mucalinda chapter*). Đức Phật kể lại tuần lễ thứ 6 sau khi giác ngộ tại Bồ-đề đạo tràng, Ngài được thần rắn Mucalinda dùng thân to lớn bảo vệ Ngài trong giông to bão lớn (*Kinh Mucalinda* (*Mucalindasutta*), *Ud. II. §1*). Giá trị của an lạc do kết thúc tham ái, vượt lên trên các khoái lạc của cõi trời và cõi người (*Kinh Vua* (*Rājasutta*), *Kinh Cây gậy* (*Daṇḍasutta*), *Ud. II. §2-3*). Phân tích duyên khởi và cách làm chủ cảm xúc (*Kinh Tôn kinh* (*Sakkārasutta*), *Ud. II. §4*). *Ud. II. §5* (*Kinh Cư sĩ nam* (*Upāsakasutta*)) nói về tác hại của việc chấp vào sở hữu, tài sản, đang khi *Ud. II. §6-7* (*Kinh Phụ nữ có thai* (*Gabbhinīsutta*), *Kinh Con trai độc nhất* (*Ekaputtakasutta*)) nói về lợi ích của người buông bỏ sự chấp thủ vào sở hữu, vào những điều khả ái. Đức Phật nói về tình trạng trở trêu của người tại gia muốn có con trai, con gái như ý nguyện của mình, nhưng trên thực tế thường ngược lại, họ phải sống giả vờ như vui vẻ, hài lòng

(*Kinh Suppavāsā (Suppavāsāsutta)*, Ud. II. §8). Phật dạy cách vượt qua sự tùy thuộc, cũng như hữu và phi hữu để sống an lạc và thông dong (*Kinh Visākhā (Visākhāsutta)*, *Kinh Bhaddiya (Bhaddiyasutta)*, Ud. II. §9-10).

Phẩm thứ ba có tựa đề “Nanda” (*Nandavagga*, 難陀品, *Nanda chapter*). Đức Phật nói về nghiệp quá khứ tạo ra quả khổ đau ở hiện tại (*Kinh Kết quả của nghiệp (Kammavipākajasutta)*, Ud. III. §1). Phật khéo dẫn dụ nhằm giúp em trai là Nanda giữ vững lý tưởng xuất gia, trở thành bậc Thánh nhân (*Kinh Nanda (Nandasutta)*, Ud. III. §2). Giá trị an lạc của thực tập thiền bất động, không dính chấp vào thời gian (*Kinh Yasoja (Yasojasutta)*, Ud. III. §3). Thực tập chánh niệm với thân thể vững như núi đá (*Kinh Sāriputta (Sāriputtasutta)*, *Kinh Mahāmoggallāna (Mahāmoggallānasutta)*, Ud. III. §4-5). Vượt qua tâm cao ngạo, sống tương kính, gọi nhau bằng “Hiền giả” (*Kinh Pilindavaccha (Pilindavacchasutta)*, Ud. III. §6). Giá trị phước báu của bố thí, cúng dường (*Kinh Cảm hứng của Thiên chủ Sakka (Sakkudānasutta)*, Ud. III. §7). Nói pháp đúng với chân lý và im lặng như bậc Thánh (*Kinh Người có hạnh khát thực (Piṇḍapātikasutta)*, Ud. III. §8). Giới hạn của các nghề thế gian chỉ đáp ứng cho việc mưu sinh, vốn thấp hơn giá trị của việc xuất gia với lý tưởng độ sinh, đạt giác ngộ, giải thoát (*Kinh Nghề nghiệp (Sippasutta)*, Ud. III. §9). Tác hại của vô minh và tham ái trong sự hiện hữu và giá trị của sự nhiếp phục tâm tham ái (*Kinh Thế giới (Lokasutta)*, Ud. III. §10).

Phẩm thứ tư có tựa đề “Meghiya” (*Meghiyavagga*, 彌醯品, *Meghiya chapter*). Đức Phật khuyên tu tập năm điều để đạt tâm giải thoát: Kết giao bạn lành; giữ giới hạnh; thảo luận về ít muốn biết đủ, xa lìa, hòa hợp, tinh cần tinh tấn, giữ giới, tu thiền, đa văn, giải thoát và giải thoát tri kiến; tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện và làm sanh khởi các pháp thiện; tu trí tuệ kết thúc khổ đau (*Kinh Meghiya (Meghiyasutta)*, Ud. IV. §1). Khiêm tốn, tinh giác và thận trọng trong phát ngôn (*Kinh Tháo động (Uddhatasutta)*, Ud. IV. §2). Sự nguy hiểm của tâm hướng tà (*Kinh Người chăn bò (Gopālakasutta)*, Ud. IV. §3). Giá trị của tâm bất động trước nghịch cảnh, không phẫn nộ, hận thù (*Kinh Cái đánh của dạ-xoa (Yakkhapahārasutta)*, Ud. IV. §4). Lợi ích của việc làm chủ tâm khi đối diện với nghịch cảnh (*Kinh Con voi (Nāgasutta)*, Ud. IV. §5). Lợi ích của hạnh xa lìa, khát thực, hài lòng, biết đủ, tinh tấn, tu thiền với tâm tăng thượng và an tịnh (*Kinh Piṇḍola (Piṇḍolasutta)*, *Kinh Sāriputta (Sāriputtasutta)*, Ud. IV. §6-7). Cách vượt qua lời phi báng, xúc phạm danh dự, hậu quả của lời nói ác độc và hành vi sai trái (*Kinh Sundarī (Sundarīsutta)*, Ud. IV. §8). Giá trị của đời sống đạo đức, tu thiền và sự chấm dứt sanh tử, kết thúc khổ đau (*Kinh Upasena (Upasenassutta)*, *Kinh sự an tịnh của Sāriputta (Sāriputtaupapasamasutta)*, Ud. IV. §9-10).

Phẩm thứ năm có tựa đề “Trưởng lão Sona” (*Sonavagga*, 蘇那長老品, *The Elder Sona chapter*). Đức Phật nói về việc con người chấp vào tự ngã của

mình nhiều hơn tình thương, tình thân đối với tha nhân (*Kinh Thân ái hơn* (*Piyatarasutta*), *Ud. V. §1*). Hoàng hậu Māyā sanh lên cõi trời sau bảy ngày sanh ra Thái tử Siddhattha (*Kinh Thọ mạng ngắn* (*Appāyukasutta*), *Ud. V. §2*). Người hủi chứng được quả Dự lưu, và quả báo bị hủi là do tiền thân khinh thường đức Phật Độc Giác (*Kinh Người hủi Suppabuddha* (*Suppabuddhakutthisutta*), *Ud. V. §3*). Khuyên từ bỏ các điều bất thiện, dù trước mặt mọi người hay lúc ở một mình (*Kinh Thiếu niên* (*Kumārakasutta*), *Ud. V. §4*). Như biên có tám đặc điểm, người xuất gia phải có đủ tám đức hạnh cao quý (*Kinh Ngày trai giới* (*Uposathasutta*), *Ud. V. §5*). Lối sống thanh cao và cách tu trì của người xuất gia (*Kinh Soṇa* (*Soṇasutta*), *Ud. V. §6*). Từ bỏ nghi ngờ để tâm bình an (*Kinh Kaṅkhārevata* (*Kaṅkhārevatasutta*), *Ud. V. §7*). Người hiền thiện không thể nói ác và làm ác (*Kinh Chia rẽ Tăng chúng* (*Saṅghabhedasutta*), *Ud. V. §8*). Khuyên không nên mắng nhiếc người khác (*Kinh Lời nhắc mắng* (*Sadhāyamānasutta*), *Ud. V. §9*). Phương pháp tu thiền, đạt chánh niệm hiện tiền (*Kinh Cūḷapanthaka* (*Cūḷapanthakasutta*), *Ud. V. §10*).

Phẩm thứ sáu có tựa đề “Sanh ra đã mù” (*Jaccandhavagga*, 生盲品, *Jaccandha chapter*). Đức Phật hứa sẽ nhập Niết-bàn khi các đệ tử có đủ tài năng được huấn luyện, tự tin, nghe nhiều, thực hành Phật pháp, được an lạc, có khả năng thuyết giảng, có thể trả lời các thắc mắc, hướng dẫn mọi người tu tập (*Kinh Từ bỏ thọ hành* (*Āyusaṅkhārossajjanasutta*), *Ud. VI. §1*). Phải sống chung, tương tác và đàm luận bằng trí tuệ mới hiểu được người khác (*Kinh Bảy vị bện tóc* (*Sattajaṭilasutta*), *Ud. VI. §2*). Tu đúng sẽ trừ diệt được những pháp bất thiện và tăng trưởng hạnh lành (*Kinh Quán sát* (*Paccavekkhaṇasutta*), *Ud. VI. §3*). Qua điển tích người mù sờ voi, đức Phật nhắc nhở mọi người phải có cái nhìn toàn diện, không nên mất thời gian vào các luận bàn về những câu hỏi siêu hình (*Kinh thứ nhất về ngoại đạo* (*Paṭhamanānātitthiyasutta*), *Kinh thứ hai về ngoại đạo* (*Dutiyanānātitthiyasutta*), *Ud. VI. §4-5*). Không chấp vào mình, không chấp người khác, không cao ngạo, không chấp học thuyết (*Kinh thứ ba về ngoại đạo* (*Tatiyanānātitthiyasutta*), *Ud. V. §6*). Trải nghiệm tâm không tầm cầu (*Kinh Subhūti* (*Subhūtisutta*), *Ud. VI. §7*). Từ bỏ các cực đoan, đắm nhiễm do tà kiến, để sống không nhiễm đắm dục trần (*Kinh Người kỹ nữ* (*Gaṇikāsutta*), *Ud. VI. §8*). Bị dính mắc vào cái thấy và cái nghe, giống như những con thiêu thân (*Kinh Lao vào* (*Upātīdhāvantisutta*), *Ud. VI. §9*). Giá trị trí tuệ của đạo Phật như vầng thái dương, vượt xa các học thuyết và tôn giáo khác vốn chỉ như ánh sáng của con đom đóm (*Kinh Xuất hiện* (*Uppajjantisutta*), *Ud. VI. §10*).

Phẩm thứ bảy có tựa đề “Nhỏ” (*Cūlavagga*, 小品, *The Little chapter*). Đức Phật khuyên vượt qua cái tôi, để vượt qua dòng đời (*Kinh thứ nhất về Lakunḍaka Bhaddiya* (*Paṭhamalakunḍakabhaddiyasutta*), *Ud. VII. §1*). Vượt qua các ham muốn, cắt đứt sự luân chuyển là giải thoát mọi khổ đau (*Kinh thứ*

hai về *Lakunḍaka Bhaddiya* (*Dutiyalakunḍakabhaddiyasutta*), *Ud.* VII. §2). Chúng sanh tham đắm trong ái dục và phiền não (*Kinh thứ nhất về chúng sanh* (*Paṭhamasattasutta*), *Ud.* VII. §3). Các dục trôi buộc lấy con người như cá mắc lưới và như bê bú sữa mẹ (*Kinh thứ hai về chúng sanh* (*Dutiyasattasutta*), *Ud.* VII. §4). Sự vượt trội của vị Tỳ-kheo có ngoại hình xấu nhưng tu tập hạnh Thánh rất thành công (*Kinh Lakunḍaka Bhaddiya khác* (*Aparalakunḍakabhaddiyasutta*), *Ud.* VII. §5). Thoát khỏi tham ái như rễ không bám đất (*Kinh Ái được diệt* (*Taṇhāsankhayasutta*), *Ud.* VII. §6). Từ bỏ các hý luận, vượt qua tham ái (*Kinh Đoạn diệt chướng ngại* (*Papañcakhayasutta*), *Ud.* VII. §7). An trú chánh niệm vào thân hành (*Kinh Kaccāna* (*Kaccānasutta*), *Ud.* VII. §8). Như nước giếng tràn đầy, hãy chuyển hóa tham ái thì tu hành thành công (*Kinh Giếng nước* (*Udapānasutta*), *Ud.* VII. §9). Đời sống thiện lành sẽ được tái sanh vào cảnh giới an lành (*Kinh Utena* (*Utenasutta*), *Ud.* VII. §10).

Phẩm thứ tám có tựa đề “Dân làng Pāṭali” (*Pāṭaligāmiyavagga*, 波吒離村人品, *Pāṭaligāma chapter*). Đức Phật phân tích bản chất an lạc tuyệt đối của Niết-bàn, vốn “không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tướng phi tướng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả mặt trăng và mặt trời.” Niết-bàn là “không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên” (*Kinh thứ nhất liên hệ đến Niết-bàn* (*Paṭhamanibbānapaṭisaṃyuttasutta*), *Kinh thứ ba liên hệ đến Niết-bàn* (*Tatiyanibbānapaṭisaṃyuttasutta*), *Ud.* VIII. §1, §3). Người trí sẽ thấy được vô ngã và chân lý (*Kinh thứ hai liên hệ đến Niết-bàn* (*Dutyanibbānapaṭisaṃyuttasutta*), *Ud.* VIII. §2). Niết-bàn không có đến-đi, diệt-sanh; không có đời này, đời sau, khoảng giữa của hai đời (*Kinh thứ tư liên hệ đến Niết-bàn* (*Catutthanibbānapaṭisaṃyuttasutta*), *Ud.* VIII. §4). Ca ngợi giá trị của sự cúng dường đức Phật trước lúc Ngài giác ngộ và trước khi nhập Niết-bàn tối hậu (*Kinh Cunda* (*Cundasutta*), *Ud.* VIII. §5). Năm tác hại của người không giữ giới hạnh (*Kinh Dân làng Pāṭali* (*Pāṭaligāmiyasutta*), *Ud.* VIII. §6). Đi sai đường sẽ gặp nhiều hậu quả xấu, cũng như không nên kết giao với bạn xấu ác (*Kinh Con đường rẽ* (*Dvidhāpathasutta*), *Ud.* VIII. §7). Còn thân ái thì còn ái nhiễm, còn ái nhiễm thì còn đau khổ (*Kinh Visākhā* (*Visākhāsutta*), *Ud.* VIII. §8). Dùng định hòa giới để nhập định, đốt thân, các hành được lắng dịu, nhập Niết-bàn (*Kinh thứ nhất về Dabba* (*Paṭhamadabbasutta*), *Ud.* VIII. §9) và vượt qua thác tham ái để giải thoát khỏi mọi trôi buộc (*Kinh thứ hai về Dabba* (*Dutiyadabbasutta*), *Ud.* VIII. §10).

Nói tóm lại, *Kinh Phật tự thuyết* là một tuyển tập các bài kinh do chính đức Phật tuyên thuyết trong một số thời điểm thích hợp từ lúc Ngài vừa chứng đắc đạo quả và trong suốt 45 năm hoằng pháp, với nhiều chủ đề khác nhau như đã trình bày ở trên. Học hỏi, suy tư và ứng dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống

hằng ngày đem lại lợi ích rất lớn, như thành tựu về giới đức, thiền định và tuệ giác, nhờ đó đem lại an lạc và hạnh phúc ngay trong kiếp sống này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21/2/2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



I. PHẨM GIÁC NGỘ (BODHIVAGGA)

§1. KINH THỨ NHẤT VỀ CỘI BỒ-ĐỀ (*Paṭhamabodhisutta*)¹ (Ud. 1)

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm, canh thứ nhất, khéo thuận chiều tác ý lý duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu; do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là, duyên vô minh có các hành, duyên các hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.”

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thật sự khi các pháp,
Đổi vị Bà-la-môn,
Khi ấy, với vị ấy,
Vì quán tri hoàn toàn,

Có mặt, hiện khởi lên,
Nhiệt tâm hành thiền định,
Các nghi hoặc tiêu trừ,
Pháp cùng với các nhân.

§2. KINH THỨ HAI VỀ CỘI BỒ-ĐỀ (*Dutiyabodhisutta*)² (Ud. 2)

2. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm, canh giữa, khéo nghịch chiều tác ý lý duyên khởi:³ “Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, do vô minh diệt nên hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt, do sáu xứ diệt nên xúc diệt,

¹ Bốn kinh đầu tiên, tham chiếu *Vin. I, 1-4, Mahāvagga (Đại phẩm)*. Về truyền thuyết cội Bồ-đề, xem *MB. 73*.

² Tham chiếu: *Vin. I, 1; Pháp cú kinh “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); Xuất diệu kinh “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); Pháp tập yếu tụng kinh “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).*

³ Xem *MB. 75ff.*

do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.”⁴

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thật sự khi các pháp,	Có mặt, hiện khởi lên,
Đổi vị Bà-la-môn,	Nhiệt tâm hành thiền định,
Khi ấy với vị ấy,	Các nghi hoặc tiêu trừ,
Vì đã biết hoàn toàn,	Sự tiêu diệt các duyên. ⁵

§3. KINH THỨ BA VỀ CỘI BÒ-ĐỀ (*Tatīyabodhisutta*)⁶ (Ud. 2)

3. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Bò-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm, canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, duyên vô minh có các hành, duyên các hành có thức... duyên sanh có già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt ly tham, vô minh không có dư tàn nên các hành diệt; do các hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.”

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thật sự khi các pháp,	Có mặt, hiện khởi lên,
Đổi vị Bà-la-môn,	Nhiệt tâm hành thiền định,
Quét sạch các ma quân,	Vị ấy đứng, an trú,
Như ánh sáng mặt trời,	Chói sáng khắp hư không.

§4. KINH HUHUNKA (*Huhunkasutta*)⁷ (Ud. 3)

4. Như vậy tôi nghe.

⁴ Tham khảo KS. II. 1ff; V. 334.

⁵ *Paccaya* (duyên), văn học Phật giáo thời kỳ đầu viết đồng nghĩa với *hetu* (nhân).

⁶ Tham chiếu: *Vin.* I. 1; *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

⁷ Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết *Huhunka*. Bản CST viết *Humhunkasutta*. H. 憍慢; Kiêu mạn. Tham chiếu: *Vin.* I. 1; *Netti.* 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sư hình thành giáo pháp); *AA.* 53: *Humhunkajātikoti so kira diṭṭhamaṅgaliko mānathaddho mānavasena kodhavasena ca sabbam avokkhajātikam passitvā jigucchanto “humhu” nti karonto vicarati, tasmā “humhunkajātiko” ti vuccati, “huhukkajātiko” tipī paṭṭho* (“Người hay phát tiếng ‘hum, hum’” nghĩa là người ấy tin vào những điềm lành mình nhìn thấy, người ấy cũng ngoan cố do kiêu mạn và phần nộ, khi thấy ai không thanh tịnh liền lánh xa, đi lang thang và phát ra tiếng “hum, hum”, vì thế người ấy được gọi là “người hay phát ra tiếng ‘hum, hum’” (*humhunkajātika*), cũng được viết là “người hay phát ra tiếng ‘hu, hu’” (*huhunkajātika*)).

Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây bàng Ajapāla, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy ra khỏi định. Có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Huhuñka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên lời chào hỏi; sau khi nói lời chào hỏi thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, cho đến như thế nào là Bà-la-môn, và những pháp nào tác thành Bà-la-môn?⁸

Thế Tôn sau khi biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Vị Bà-la-môn nào,	Loại trừ các ác pháp,
Không kiêu, không uế nhiễm,	Tự ngã khéo chế ngự,
Vệ-đà được thông đạt,	Phạm hạnh được viên thành,
Vị Bà-la-môn ấy,	Có thể nói lên được,
Lời Phạm ngữ đúng pháp,	Vị ấy ở đời này,
Không hề có mạn tâm,	Bất cứ ở nơi nào.

§5. KINH BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇasutta*)⁹ (Ud. 3)

5. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), khu vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Mahākaccāyana (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả Mahākotṭhika (Đại Câu-thi-la), Tôn giả Mahākappina (Đại Kiếp-tân-na), Tôn giả Mahācunda (Đại Thuần-đà), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa), Tôn giả Ānanda (A-nan) đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy các Tôn giả ấy từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến. Nay các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.

Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo, thọ sanh là Bà-la-môn, bạch Thế Tôn:

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Bà-la-môn, và có bao nhiêu pháp tác thành Bà-la-môn?

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:¹⁰

⁸ Uda. và Vin. I. 3 viết *Brāhmaṇakaraṇā*; còn có cách viết khác: *Brāhmaṇakārakā*.

⁹ Tham chiếu: *Netti*. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

¹⁰ Xem MB. 85.

Sau khi loại ác pháp,¹¹
Kiết sử đoạn, giác ngộ,
Thật là Bà-la-môn.

Ài thường hành chánh niệm,
Những vị ấy ở đời,

§6. KINH MAHĀKASSAPA (*Mahākassapasutta*)¹² (Ud. 4)

6. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākassapa trú ở hang Pippali, đang bị bệnh rất đau nhức, trầm trọng. Rồi Tôn giả Mahākassapa, sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy.¹³ Rồi Tôn giả Mahākassapa thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: “Ta hãy đi vào Vương Xá để khát thực.” Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm thiên nhân đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả Mahākassapa nhận được đồ ăn khát thực.¹⁴ Nhưng Tôn giả Mahākassapa từ chối năm trăm thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực, đi ngang con đường những người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Ài sống không nhờ người,
Sống tự mình chế ngự,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Vị ấy được Ta gọi,

Không được người biết đến,¹⁵
An trú nơi cốt lõi,
Sân hận được trừ diệt,
Là vị Bà-la-môn.

§7. KINH AJAKALĀPAKA (*Ajakalāpakasutta*)¹⁶ (Ud. 4)

7. Như vậy tôi nghe.

¹¹ Xem *Dh.* v. 388 và các bài kệ tiếp theo.

¹² Xem *S. V.* 79, *Paṭhamagilānasutta* (Kinh thứ nhất về bệnh); *CNid.* 26, *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngưu).

¹³ Nhờ nghe Thế Tôn thuyết về bảy giác chi và quán chiếu rõ, Mahākassapa đang bị bệnh liền được khỏi bệnh.

¹⁴ Xem *Ud.* 29.

¹⁵ *Anaññāposin.* Xem *Sn.* v. 65. *AA.* 63: *Tattha anaññāposinti aññaṃ poseṭṭhi aññāposī, na aññāposī anaññāposī, attanā poseṭṭhabbassa aññassa abhāvena adutiyo, ekakoti attho* (“Ở đây, không nuôi kẻ khác” được giải thích rằng *aññāposī* là nuôi kẻ khác, *anaññāposī* là không nuôi kẻ khác, chỉ mình người đó, bởi không có người thứ hai khác cần nuôi, nghĩa là đơn độc một mình). *AA.* 63: *Aññātanti abhinnātaṃ, yathābhuccagūṇehi patthāyasaṃ, teneva vā anaññāposibhāvena appicchatāsantutthitāhi ñātaṃ. Atha vā aññātanti sabbaso pahīnatanhatāya lābhasakkārasilokaṇikāmanahetu attānaṃ jānāpanavasena na ñātaṃ* (“*Aññātanti* nghĩa là được biết đến” tức là được biết tiếng, danh tiếng lan rộng do hạnh chơn chánh, hoặc được biết đến do không nuôi kẻ khác, ít muốn biết đủ. Hoặc “*aññātanti* nghĩa là không được biết đến” tức là không được biết đến do đã đoạn trừ tham ái, nhân đưa đến ham muốn lợi đắc, địa vị, danh tiếng, những điều làm cho người biết đến mình).

¹⁶ Tham chiếu: *Netti.* 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

Một thời, Thế Tôn trú ở Pāṭali,¹⁷ tại tháp Ajakalāpaka, chỗ ở của dạ-xoa Ajakalāpaka. Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong đêm tối đen và trời mưa từng hạt xuống. Rồi dạ-xoa Ajakalāpaka muốn làm cho Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ba lần nói lên gần Thế Tôn tiếng gào thét của mình là “*Akkulo pakkulo*”, “Này Sa-môn, con quý đây!” Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Khi nào Bà-la-môn,	Đối với pháp của mình,
Đã đạt được bờ kia,	Vị ấy vượt qua được,
Ác quỷ, yêu ma này.	

§8. KINH SAṄGĀMAJI (*Saṅgāmajisutta*)¹⁸ (Ud. 5)

8. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattī, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bảy giờ, Tôn giả Saṅgāmaji đi đến Sāvattī để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của Tôn giả Saṅgāmaji nghe được tin Tôn giả Saṅgāmaji¹⁹ đã đến Sāvattī. Nàng liền dắt người con đi đến Jetavana. Lúc bảy giờ, Tôn giả Saṅgāmaji đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả Saṅgāmaji đi đến Tôn giả Saṅgāmaji; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Saṅgāmaji:

– Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saṅgāmaji giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả Saṅgāmaji nói với Tôn giả Saṅgāmaji:

– Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ hai, Tôn giả Saṅgāmaji giữ im lặng. Lần thứ ba, người vợ trước kia của Tôn giả Saṅgāmaji nói với Tôn giả Saṅgāmaji:

– Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ ba, Tôn giả Saṅgāmaji vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Saṅgāmaji đặt đứa con nhỏ trước mặt Tôn giả Saṅgāmaji rồi bỏ đi, nói rằng:

– Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó!

Tôn giả Saṅgāmaji không có ngó đến đứa con nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Saṅgāmaji sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả Saṅgāmaji không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói gì, thấy vậy, liền suy nghĩ: “Sa-môn này không muốn ngó đến người con.” Nàng liền trở lui lại,

¹⁷ Bản PTS viết Pāṭaliya. Bản Tích Lan và CST viết Pāvāya. Pāvā là thủ phủ của dân chúng Mallā (cũng còn gọi là Pāveyyaka Mallā).

¹⁸ Tham chiếu: *Netti*. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14).

¹⁹ Xem *Thag.* v. 34; *Pss. Breth.* 39.

bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả Saṅgāmaji.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Không hoan hỷ, nằng đến,	Không sâu muộn, nằng đi,
Giải thoát khỏi ái phục,	Là Saṅgāmaji,
Ta gọi người như vậy,	Là vị Bà-la-môn.

§9. KINH KẺ BỆN TÓC (*Jaṭilasutta*)²⁰ (Ud. 6)

9. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Gayā, tại Gayāsīsa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùa màng, trong thời tuyết rơi, lặn xuống và nổi lên trong nước hồ Gayā, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tể lửa, nghĩ rằng: “Với hành động này, chúng ta được thanh tịnh.”

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùa màng, trong thời tuyết rơi, lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tể lửa, nghĩ rằng: “Với hành động này, chúng ta được thanh tịnh.”

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thanh tịnh không do nước,	Ở đây nhiều người tắm, ²¹
Trong ai có chơn thật,	Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là thanh tịnh,	Người ấy là Phạm chí.

§10. KINH BĀHIYA (*Bāhiyasutta*)²² (Ud. 6)

10. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Bāhiya Dārucīriya trú ở Suppāraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Rồi Bāhiya Dārucīriya khởi lên tư tưởng như sau: “Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy.”

²⁰ Tham chiếu: *Netti*. 128, *Sāsanapattihāna* (Sư hình thành giáo pháp); *Pháp cú kinh* “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

²¹ Xem M. I. 39. P. (PTS, CST) viết *nhāyatī*. P. (Tích Lan) viết *nahāyatī*. S. *Snāti*, *Snātati*; H. 沐浴 (mộc dục), nghĩa là tắm gội.

²² Tham chiếu: S. IV. 72, *Mālūkyaputtasutta* (Kinh Mālūkyaputta); Ap. II. 475, *Bāhiyattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Bāhiya); *Netti*. 128, *Sāsanapattihāna* (Sư hình thành giáo pháp); *Xuất diệu kinh* “Nê-hoàn phẩm” 出曜經泥洹品 (T.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

Rồi một thiên nhân, trước là bà con huyết thống với Bāhiya Dārucīriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích. Với tâm của mình biết tâm tư của Bāhiya Dārucīriya, đi đến Bāhiya Dārucīriya và nói như sau:

– Nay Bāhiya, ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy. Với đạo lộ này, ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.

Nhưng ai, trong thế giới này, với thế giới chư thiên, là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán? Nay Bāhiya, có thành phố tên là Sāvatthi trên những vùng phương Bắc. Tại đây, có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.

Rồi Bāhiya Dārucīriya được thiên nhân ấy thúc giục, đi ra khỏi Suppāraka; trong suốt đường trường chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bāhiya Dārucīriya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

– Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Nay Bāhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khát thực.

Rồi Bāhiya Dārucīriya mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sāvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khả tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đặt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bāhiya Dārucīriya liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc, an lạc lâu dài!

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bāhiya Dārucīriya:

– Không phải thời, này Bāhiya, Ta đang đi vào giữa các nhà để khát thực.

Lần thứ hai, Bāhiya Dārucīriya bạch Thế Tôn:

– Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chương ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chương ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc, an lạc lâu dài!

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Bāhiya Dārucīriya:

– Không phải thời, này Bāhiya, Ta đang đi vào giữa các nhà để khát thực.

Lần thứ ba, Bāhiya Dārucīriya bạch Thế Tôn:

– Thật khó biết... hạnh phúc, an lạc lâu dài!

– Vậy này Bāhiya, ông cần phải học tập như sau: “Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngửi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ

là cái ngủi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri.”²³ Như vậy, này Bāhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bāhiya, nếu với ông, trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái ngủi, nếm, xúc chạm sẽ chỉ là cái ngủi, nếm, xúc chạm; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri; thì ông không có cái ấy. Này Bāhiya, nếu ông không có cái ấy thì ông không ở trong ấy. Này Bāhiya, nếu ông không ở trong ấy thì ông không có đời này, không có đời sau, không có chặng giữa hai đời, như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bāhiya Dārucīriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Thế Tôn sau khi thuyết cho Bāhiya Dārucīriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò mẹ đang đi cùng bê con đã húc chết Bāhiya Dārucīriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sāvatti xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bāhiya Dārucīriya bị chết, thấy vậy, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bāhiya Dārucīriya đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các ông đã qua đời!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt thân xác của Bāhiya Dārucīriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thân xác của Bāhiya Dārucīriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

– Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bāhiya Dārucīriya, đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Này các Tỷ-kheo, Bāhiya Dārucīriya đã nhập Niết-bàn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Chỗ nào nước và đất,	Lửa, gió không trụ vững,
Tại đây, sao không chói,	Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây, trăng không chiếu,	Tại đây không u ám.
Khi ẩn sĩ Phạm chí,	Tự mình với trí tuệ,
Thế nhập vào Chánh pháp,	Vị ấy được giải thoát,
Khỏi sắc và vô sắc,	Khỏi an lạc, đau khổ.

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

²³ Xem S. IV. 72 với đoạn tương tự nói về trường hợp Mālunkya-putta khi đã về già muốn xin Thế Tôn một lời dạy tóm tắt.

II. PHẨM MUCALINDA (MUCALINDAVAGGA)

§1. KINH MUCALINDA (*Mucalindasutta*)²⁴ (Ud. 10)

11. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Mucalinda, khi Ngài mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi một thể kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Lúc bấy giờ, một cơn giông tố lớn trái mùa khởi lên, và trong bảy ngày, trời mưa gió lạnh, bầu trời u ám. Rồi thần rắn Mucalinda ra khỏi chỗ ở của mình, dùng thân cuộn bảy vòng quanh thân của Thế Tôn, và đứng thẳng, vươn cao các mang lớn trên đầu [Thế Tôn] với ý nghĩ: “Mong Thế Tôn khỏi lạnh! Mong Thế Tôn khỏi nóng! Mong Thế Tôn khỏi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng, các loài bò sát!”

Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy. Lúc ấy, Mucalinda, vua các loài rắn, sau khi biết trời đã sáng tỏ, mây đã tan, cởi mở thân mình khỏi thân Thế Tôn, biến dạng thân sắc của mình, hóa hiện thân sắc một thanh niên đứng trước mặt Thế Tôn, chấp tay đánh lễ Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Viễn ly là an lạc,	Với người biết tri túc,
Với người có nghe pháp,	Với người có chánh kiến.
Không sân giận, ác ý,	Là an lạc ở trên đời,
Đối hữu tình chúng sanh,	Biết tự chế, ngăn ngừa.
Ly tham, vượt các dục,	Là an lạc ở đời,
Ai nhiếp phục ngã mạn,	Đây an lạc tối thượng. ²⁵

§2. KINH VUA (*Rājasutta*)²⁶ (Ud. 10)

12. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

²⁴ Tham chiếu: *Vin.* I. 1; *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

²⁵ Bài kệ này được đề cập trong PC. 129.

²⁶ Xem *Netti.* 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sư hình thành giáo pháp); *Pe.* 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyabhūmi* (Phần thứ hai về Sư hình thành giáo pháp); *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo, sau khi đi khát thực, ăn xong, trở về, ngồi họp tại hội trường, và câu chuyện này được khởi lên:

“Này chư Hiền, giữa hai vị vua này, Vua Seniya Bimbisāra ở Magadha và Vua Pasenadi ở xứ Kosala, ai giàu có hơn, ai tài sản lớn hơn, ai kho tàng lớn hơn, ai quốc độ lớn hơn, ai xe cộ lớn hơn, ai sức mạnh lớn hơn, ai thần lực lớn hơn, ai uy lực lớn hơn?” Rồi câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy chưa được chấm dứt.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, ở đây, nay các ông ngồi hội họp với câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa chừng chưa chấm dứt giữa các ông?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau khi đi khát thực, ăn xong, trở về... câu chuyện này được khởi lên... ai uy lực lớn hơn? Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, chưa được chấm dứt thời Thế Tôn đã đến.

– Này các Tỷ-kheo, thật không thích đáng cho các ông, những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói câu chuyện như vậy. Này các Tỷ-kheo, khi các ông hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: Đàm luận về Chánh pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.²⁷

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Dục lạc gì ở đời,	Kẻ cả thiên lạc này,
Không bằng phần mười sáu,	Lạc do ái đoạn diệt.

§3. KINH CÂY GẬY (*Dandāsutta*)²⁸ (Ud. 11)

13. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, giữa Sāvatthi và Jetavana, một số đông đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy. Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy giữa Sāvatthi và Jetavana, nhiều đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

Ai làm hại với trượng,	Kẻ tìm lạc cho mình,
Người ấy sau khi chết,	Không tìm được an lạc.

²⁷ Xem Ud. III. 8; M. I. 161; S. II. 273. *Chú giải* giải thích là sự im lặng của chi và quán, thiền thứ hai hay thiền thứ tư.

²⁸ Xem Dh. v. 131; *Pháp cú kinh* “Đao trượng phẩm” 法句經刀杖品 (T.04. 0210.18. 565a29); *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

Đối chúng sanh muốn lạc,
Kẻ tìm lạc cho mình,

Ai không hại với trượng,
Đời sau tìm được lạc.

§4. KINH TÔN KÍNH (*Sakkārasutta*)²⁹ (Ud. 12)

14. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Chúng Tăng cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Các du sĩ ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng. Khi nào gặp các Tỷ-kheo ở làng và ở trong rừng, họ dùng những lời nói không tốt lành, thô ác, mắng nhiếc, phỉ báng, công kích, náo hại các Tỷ-kheo. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Rồi bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng... náo hại các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

Giữa làng, tại núi rừng,
Chớ quy về tự mình,
Các xúc được cảm thọ,
Với vị không sanh y,³⁰

Cảm thọ khổ và lạc,
Chớ quy về người khác.
Là do duyên sanh y,
Do đâu xúc, cảm thọ.

§5. KINH CƯ SĨ NAM (*Upāsakasutta*)³¹ (Ud. 13)

15. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, một nam cư sĩ tên là Icchānaṅgalaka³² đi đến Sāvattthi vì một vài

²⁹ Xem Ud. 43; *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

³⁰ “Sanh y” chỉ cho 5 thủ uẩn, chính 5 thủ uẩn này làm căn bản cho một đời sống khác.

³¹ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

³² Một ngôi làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala. Xem A. III. 30, 341; V. 325; KS. V. 289.

công việc phải làm. Nam cư sĩ ấy, sau khi làm công việc xong ở Sāvatti, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ ấy đang ngồi một bên:

– Đã lâu rồi, này nam cư sĩ, ông tạo nên cơ hội này,³³ tức là đến đây.

– Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con muốn yết kiến Thế Tôn. Nhưng con bị bận bịu bởi những công việc phải làm này khác, nên con không thể đi đến yết kiến Thế Tôn được.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Ai lão luyện ³⁴ Chánh pháp,	Được nghe nhiều Chánh pháp,
Không xem bất cứ gì,	Là an lạc của mình,
Hãy xem, não hại thay!	Những ai có sở hữu, ³⁵
Khiến cho con người này,	Bị trói buộc người khác.

§6. KINH PHỤ NỮ CÓ THAI (*Gabbhinīsutta*)³⁶ (Ud. 13)

16. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, thanh nữ trẻ Bà-la-môn, vợ của một du sĩ có thai sắp sinh. Vợ của du sĩ ấy nói với du sĩ:

– Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng khi sanh con!

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo nói với nữ du sĩ:

– Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ hai, nữ du sĩ nói với du sĩ:

– Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng khi sanh con!

Lần thứ hai, du sĩ nói với nữ du sĩ:

– Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ ba, nữ du sĩ nói với du sĩ:

– Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng khi sanh con!

Lúc bấy giờ, tại một kho của Vua Pasenadi nước Kosala, một Sa-môn hay Bà-la-môn có thể uống bơ hay dầu cho đến thỏa thích, nhưng không được mang đi. Người du sĩ ấy suy nghĩ: “Tại một kho của Vua Pasenadi nước Kosala... không được mang đi. Vậy ta hãy đi đến nhà kho của Vua Pasenadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về đến nhà, mỡ dầu ấy ra

³³ Xem D. I. 179.

³⁴ Xem S. II. 47; IV. 210. *Chú giải* giải thích là bậc A-la-hán.

³⁵ *Sakiñcana* chỉ cho những tâm bất thiện tham, sân, si.

³⁶ Xem S. III. 202; J. I. 151; Vin. II. 268.

và ta cho nữ du sĩ dùng khi sanh con.” Rồi du sĩ ấy đi đến nhà kho của Vua Pasenadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về nhà không có thể mưa lên hay mưa xuống, có cảm thọ khổ đau, nhói đau, khốc liệt, thống khổ, lăn lộn qua lại.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatti để khát thực. Thế Tôn thấy người du sĩ ấy cảm thọ khổ đau, nhói đau khốc liệt, thống khổ, lăn lộn qua lại. Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

An lạc thay là người,	Không có gì sở hữu!
Người chánh trí hiểu biết, ³⁷	Không có gì sở hữu,
Hãy xem, náo hại thay!	Những ai có sở hữu,
Khiến cho con người này,	Bị trói buộc người khác.

§7. KINH CON TRAI ĐỘC NHẤT (*Ekaputtakasutta*)³⁸ (Ud. 14)

17. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mạng chung. Rồi nhiều nam cư sĩ với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên:

– Này các cư sĩ, sao các ông với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, lại đến đây trong lúc quá sớm như vậy?

Khi được nói vậy, người cư sĩ ấy thưa với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con, khả ái, khả ý đã mạng chung. Do vậy, chúng con với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đã đến đây trong lúc quá sớm!

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Bị khả ái, dễ thương,	Trói buộc và chi phối,
Rất nhiều chư thiên chúng,	Và nhiều hạng con người,
Đau khổ và héo mòn,	Bị thần chết nhiếp phục.
Ngày đêm không phóng dật,	Từ bỏ dung sắc đẹp,
Vị ấy đào gốc khổ,	Mỗi như của Ác ma,
Thật khó vượt qua được!	

³⁷ *Vedagū*, theo *Chú giải*, là người đã thành tựu trí tuệ của bậc Thánh hay nói cách khác là đã chứng được Niết-bàn.

³⁸ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

§8. KINH SUPPAVĀSĀ (*Suppavāsāsutta*)³⁹ (Ud. 15)

18. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kuṇḍiya,⁴⁰ trong rừng Kuṇḍitthāna.⁴¹ Lúc bấy giờ, Suppavāsā, con gái của vua xứ Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối khốc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm: “Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này. Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy thật khéo hành trì, họ hành trì để đoạn tận đau khổ này. Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt.” Rồi Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya gọi người chồng của mình:

– Này phu quân, hãy đi đến Thế Tôn! Sau khi đến, nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú và thưa: “Bạch Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú.” Rồi hãy nói như sau: “Bạch Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ... tại đây khổ đau này không có mặt.”

– Thật là tốt lành!

Koliyaputta đáp lại Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn... lạc trú... tại đây khổ đau này không có mặt.”

– “Mong rằng Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn.” Với lời nói này của Như Lai, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi trở về nhà của mình. Koliyaputta thấy Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh; thấy vậy liền suy nghĩ như sau: “Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya này, với lời nói của Thế Tôn, được an lạc, không bệnh, sanh con trai

³⁹ Xem J. I. 419. *Asātarūpajātaka* (Chuyện sắc thân bất lạc); *Pháp cú kinh* “Thế tục phẩm” 法句經世俗品 (T.04. 0210.21. 0566a19); *Pháp cú thí dụ kinh* “Thế tục phẩm” 法句譬喻經世俗品 (T.04. 0211.21. 0594a04); *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

⁴⁰ Một thị tứ của dân chúng Koliya.

⁴¹ Bản PTS và Thái Lan viết *Kuṇḍitthānavana*. Bản CST viết *Kuṇḍadhānavana*. Xem DhA. IV. 192; J. I. 407.

không bệnh!” Nghĩ vậy, Koliyaputta hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc. Rồi Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, bảo người chồng mình:

– Hãy đi, này phu quân, hãy đi đến Thế Tôn! Sau khi đến, nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: “Bạch Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của Suppavāsā với chúng Tỷ-kheo!”

– Thật là tốt lành!

Koliyaputta đáp lại Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: “Suppavāsā, có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo... với chúng Tỷ-kheo!”

Lúc bấy giờ, một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị dẫn đầu, ngày mai dùng cơm, người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả Mahāmoggallāna. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Moggallāna, hãy đến người cư sĩ! Sau khi đến, nói với người cư sĩ ấy như sau: “Này Hiền giả, Suppavāsā con gái của vua xứ Koliya... có thai đến bảy năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc... Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo... với chúng Tỷ-kheo. Hãy để cho Suppavāsā tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến lượt ông!”

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Mahāmoggallāna vâng đáp Thế Tôn, rồi đi đến người cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với người cư sĩ:

– Này Hiền giả, Suppavāsā... Hãy để cho Suppavāsā, con của vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên ông!

– Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba pháp về tài sản, về thọ mạng, về lòng tin, hãy để cho Suppavāsā, con gái của vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, rồi sau đến phiên con.

– Này Hiền giả, về hai pháp, ta sẽ bảo đảm cho ông, về tài sản và về thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm.

– Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, rồi sau sẽ đến phiên con!

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư sĩ ấy!

Rồi Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, trong bảy ngày mời chúng Tỷ-kheo, với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm; rồi khiến cho đưa trẻ đánh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với đứa trẻ:

– Này con, con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?

– Thưa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? Con đã sống bảy năm trong cái ghè đầy máu.

Rồi Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya, nghĩ rằng: “Con ta đang nói chuyện với vị Tướng quân Chánh pháp,” nằng hoan hỷ, tín thọ với tâm hỷ lạc.

Rồi Thế Tôn nói với Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya:

– Này Suppavāsā, con có muốn một người con trai khác như vậy không?

– Bạch Thế Tôn, con muốn có bảy người con trai như vậy!

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Không vui giả dạng vui,	Không ái giả dạng ái,
Khổ đau giả dạng lạc,	Nhiếp phục kẻ phóng dật. ⁴²

§9. KINH VISĀKHĀ (*Visākhāsutta*)⁴³ (*Ud.* 18)

19. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Đông Viên, ngôi lâu của mẹ Migāra.⁴⁴

Lúc bảy giờ, mẹ Migāra có công việc liên hệ đến Vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala chưa có quyết định về việc ấy. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, vào buổi sáng sớm, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Này Visākhā, bà từ đâu đi đến sớm như vậy?

– Bạch Thế Tôn, con có công việc liên hệ đến Vua Pasenadi nước Kosala... về việc ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Mọi tùng thuộc là khô,	Mọi chủ quyền là lạc,
Chung dùng làm não hại,	Trói buộc khó vượt qua.

⁴² Xem *DhA.* IV. 192; *Thag.* v. 60; *J.* I. 100.

⁴³ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (*T.*04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (*T.*04. 0213.30. 0794a16).

⁴⁴ Xem *KS.* V. 197, 241; *GS.* II. 191 (chú thích).

§10. KINH BHADDIYA (*Bhaddiyasutta*)⁴⁵ (Ud. 18)

20. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Anupiyā, tại rừng xoài. Lúc bảy giờ, Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, thường hay nói lên lời cảm hứng: “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!” Một số đông Tỷ-kheo nghe Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, thường nói lên lời cảm hứng: “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!” Nghe vậy, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Không gì nghi ngờ, chư Hiền, Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, vì trước kia còn ở gia đình được hưởng an lạc nhà vua, vì Tôn giả nhớ đến an lạc ấy, nên khi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây... thường nói lên lời cảm hứng: “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!” Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā, khi đi đến khu rừng... nói lên lời cảm hứng: “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!”... không có nghi ngờ gì nữa... sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!”

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Bhaddiya, con của Kālīgodhā: “Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.”

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā:

– Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā, vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhaddiya, con của Kālīgodhā, đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này Bhaddiya, ông đi đến khu rừng... “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!”?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Do thấy mục đích gì, đi đến khu rừng... “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!”?

– Bạch Thế Tôn, thuở trước, khi còn ở trong gia đình, được hưởng an lạc nhà vua, trong nội cung có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nội cung có đặt người khéo bảo vệ; trong thành có đặt người khéo bảo vệ, ngoài thành có đặt người khéo bảo vệ; trong nước cũng có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nước cũng có đặt

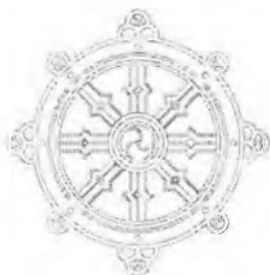
⁴⁵ Xem Sn. 1, *Uragasutta* (Kinh Rắn); Vin. II. 180; *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

người khéo bảo vệ. Bạch Thế Tôn, con được bảo vệ phòng giữ như vậy, nhưng con vẫn sống sợ hãi, hồi hộp, run sợ, hoảng sợ. Nhưng nay con đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, con sống một mình, con sống không sợ hãi, không hồi hộp, không run sợ, không hoảng sợ, không rộn ràng, không hốt hoảng, lắng dịu, nhẹ nhàng, tâm như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, do thấy mục đích như vậy, nên con khi đi đến khu rừng... con nói lên lời cảm hứng: “Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!”

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Với ai, trong nội tâm,
Vượt qua hữu, phi hữu,
An lạc, không sâu muộn,

Không có lòng phẫn nộ,
Vị ấy thoát sợ hãi,
Chư thiên không thấy được.



III. PHẨM NANDA (NANDAVAGGA)

§1. KINH KẾT QUẢ CỦA NGHIỆP (*Kammavipākajasutta*)⁴⁶ (Ud. 21)

21. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiết-già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sâu não.

Thế Tôn nhìn thấy vị Tỷ-kheo này ngồi không xa Thế Tôn... không có sâu não.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng:

Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp,	Tẩy sạch bụi làm trước,
An trú không ngã sở,	Không cần nói với người.

§2. KINH NANDA (*Nandasutta*)⁴⁷ (Ud. 21)

22. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: “Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục.” Một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: “... tôi sẽ hoàn tục.”

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo Nanda: “Hiền giả Nanda, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.”

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

⁴⁶ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

⁴⁷ Tham chiếu: *Miln.* 167, *Vatthaguyhanidassanapaṇḥo* (Câu hỏi về việc biểu lộ vật được che giấu sau lớp vải); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Nanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Nanda:

– Hiền giả Nanda, bậc Đạo sư gọi Hiền giả!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Nanda vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này Nanda, ông nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: “Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục?”

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, ông sống Phạm hạnh, khiến ông không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, ông sẽ hoàn tục?

– Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích-ca nữ, cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần ngó nhìn con và nói: “Quý tử (*ayyaputta*) hãy về gấp!” Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục.

Rồi Thế Tôn cầm cánh tay Tôn giả Nanda, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Jetavana và hiện ra tại cõi trời Ba Mươi Ba. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ Sakka, và họ được gọi là “có chân như chân chim bồ câu.” Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Nanda:

– Này Nanda, ông có thấy năm trăm thiên nữ này có chân như chân chim bồ câu không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này Nanda, ông nghĩ thế nào, ai đẹp dễ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích-ca nữ, cô gái đẹp trong nước, hay năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu này?

– Bạch Thế Tôn, ví như một con khỉ cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt, cũng vậy, là Thích-ca nữ, cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu này; không thể ước lượng so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với họ; năm trăm thiên nữ này đẹp hơn, đáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn.

– Hãy hoan hỷ, này Nanda! Hãy hoan hỷ, này Nanda! Ta đền cho ông năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu ấy.

– Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh.

Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả Nanda, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở cõi trời Ba Mươi Ba, hiện ra ở Jetavana.

Các Tỷ-kheo được nghe: “Tôn giả Nanda, em Thế Tôn, con của bà dì, sống Phạm hạnh vì mục đích thiên nữ. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm thiên nữ với chân như chân chim bồ câu.” Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả Nanda là người làm thuê, là người buôn bán: “Tôn giả Nanda là người làm thuê, Tôn giả Nanda là người buôn bán. Vì mục đích thiên nữ, Tôn giả Nanda sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm thiên nữ có chân như chân chim bồ câu!” Rồi Tôn giả Nanda bị bức phiền, tủi nhục, chán ngấy bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán; sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin; không bao lâu, vì mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, Tôn giả tự mình thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy ngay trong hiện tại. Tôn giả rõ biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Tôn giả Nanda đã trở thành một vị A-la-hán.

Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, con trai của bà dì, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Trí khởi lên nơi Thế Tôn: “Nanda, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.” Rồi Tôn giả Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm thiên nữ với chân như chân chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa đền ấy.

– Này Nanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của ông: “Nanda, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.” Lại nữa, một thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, con trai của bà dì, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.” Vì rằng, này Nanda, tâm của ông được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khỏi lời hứa này.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

Ai vượt khỏi bùn này,
Đạt được si đoạn diệt,
Không cảm thọ khổ lạc.

Đề bẹp gai của dục,
Vị Tỷ-kheo như vậy,

§3. KINH YASOJA (*Yasojasutta*)⁴⁸ (Ud. 24)

23. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja dẫn đầu, đã đến Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỷ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, gây tiếng ồn ào to lớn. Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giết cá?

– Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này, dẫn đầu là Yasoja, đã đến Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

– Này Ānanda, hãy nhân danh Ta nói với các Tỷ-kheo ấy: “Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả.”

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giết cá?

Tôn giả Yasoja bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này đã đến Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến này... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

– Này các Tỷ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các ông, các ông không xứng đáng được sống gần Ta!

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, cầm lấy y bát, đi đến dân chúng Vajjī, tiếp tục bộ hành giữa dân chúng Vajjī rồi đi đến con sông Vaggumudā; sau khi đến, dựng lên chòi lá trên bờ sông Vaggumudā, an cư mùa mưa tại chỗ ấy. Rồi Tôn giả Yasoja, sửa soạn an cư, bảo các Tỷ-kheo:

⁴⁸ Tham chiếu: M. I. 456, *Cāṭumāsutta* (Kinh *Cāṭumā*), số 67; *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

– Thừa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Nay chư Hiền, chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Yasoja. Rồi các Tỷ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và trong thời gian an cư, tất cả đều chứng ngộ Ba minh.

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Sāvatthi cho đến khi vừa ý thì bộ hành đi Vesālī. Cứ đi như vậy, sau cùng Ngài đến Vesālī. Tại đây, Thế Tôn trú ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn, với tâm của mình tác ý đến tâm các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā, gọi Tôn giả Ānanda: “Như có hào quang, này Ānanda, là phương ấy; như có ánh sáng, này Ānanda, là phương ấy. Tại phương ấy, các Tỷ-kheo đang sống trên bờ sông Vaggumudā. Thật là không nhầm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Nay Ānanda, hãy gửi một sứ giả đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā và nói: ‘Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả. Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.’”

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỷ-kheo; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

– Hãy đi, này Hiền giả, hãy đi đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: “Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả. Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.”

– Thừa vâng, Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda, như một người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại Lâm và hiện ra trước mắt các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā. Rồi Tỷ-kheo ấy nói với các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā:

– Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả. Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, sau khi dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, ví như một nhà lực sĩ... co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, các Tỷ-kheo ấy biến mất ở trên bờ sông Vaggumudā, và hiện ra ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi trong thiền định bất động.⁴⁹ Các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?” Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Thế Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất động.” Và tất cả các Tỷ-kheo ấy ngồi xuống trong định bất động.

⁴⁹ Chú giải giải thích là định do thiền thứ tư tăng thịnh.

Tôn giả Ānanda, khi đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda, sau khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ,⁵⁰ từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu... Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy, bảo Tôn giả Ānanda:

– Nếu ông có hiểu biết, này Ānanda, ông sẽ không nói như vậy. Này Ānanda, Ta và năm trăm Tỷ-kheo này, tất cả đang nhập định bất động.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Ai đã thắng gai dục,
Vị ấy đứng bất động,
Vị Tỷ-kheo như vậy,

Mãng, gia hại, trói buộc,
Như núi vững an trú,
Lạc khổ không dao động.

§4. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*)⁵¹ (Ud. 27)

24. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tôn giả Sāriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt. Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Như ngọn núi bằng đá,
Cũng vậy vị Tỷ-kheo,
Như ngọn núi bằng đá,

Không động, khéo an trú,
Đoạn diệt được ngu si,
Không có bị dao động.

⁵⁰ *Nandimukhiyā rattiyā*: Được rạng đông chói sáng, bóng tối đang tan biến dần.

⁵¹ Tham chiếu: *Thag.* v. 645, 981; *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bất-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

§5. KINH MAHĀMOGGALLĀNA (*Mahāmogallānasutta*)⁵² (Ud. 27)

25. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapīṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmogallāna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, nội tâm khéo an trú thân hành niệm. Thế Tôn thấy Tôn giả Mahāmogallāna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, nội tâm khéo an trú thân hành niệm.

Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thân hành niệm an lập,	Sáu xúc xứ chế ngự,
Tỷ-kheo thường thiền định,	Tự chứng tri Niết-bàn.

§6. KINH PILINDAVACCHA (*Pilindavacchasutta*)⁵³ (Ud. 28)

26. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện.⁵⁴ Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ bần tiện.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Pilindavaccha: “Này Hiền giả Pilindavaccha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.”

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Pilindavaccha; sau khi đến, nói với Pilindavaccha:

– Này Hiền giả Pilindavaccha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Pilindavaccha vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Pilindavaccha đang ngồi một bên:

⁵² Tham chiếu: *Pe. 1; Pháp cú kinh* “Duy niệm phẩm” 法句經惟念品 (T.04. 0210.6. 0561a16); *Xuất diệu kinh* “Duy niệm phẩm” 出曜經惟念品 (T.04. 0212.16. 0698b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ưc niệm phẩm” 法集要頌經憶念品 (T.04. 0213.15. 0784b14). Bản dịch của Sujato là “The Discourse about Kolita (*Kinh Về Kolita*).” Bản dịch của Rhys Davids không có tựa đề.

⁵³ Tham chiếu: *Sn. 79; Pe. 1; Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

⁵⁴ Nguyên bản Pāli: *Vasalavādena samudācarati*, nghĩa là đối xử như với người hạ tiện. Bản tiếng Anh của PTS: *Calling them “menials”*, nghĩa là gọi họ với danh từ “đầy tớ.”

– Có thật chẳng, này Vaccha, ông thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi tác ý đến đời sống trước của Pilindavaccha, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Này, các Tỷ-kheo, chớ có bực phiền với Tỷ-kheo Pilindavaccha. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà Vaccha thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn, danh từ bản tiện đã lâu ngày được chứa chấp trong vị ấy. Do vậy, Vaccha thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bản tiện.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Trong ai không mạn trá,	Không mạn, tham đoạn tận,
Không ngã sở, không dục,	Phần nộ được trừ diệt,
Tự ngã thành mát lạnh,	Vị ấy là Phạm chí,
Là Sa-môn, Tỷ-kheo.	

§7. KINH CẢM HỨNG CỦA THIÊN CHỦ SAKKA (*Sakkudānasutta*)⁵⁵ (Ud. 29)

27. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākassapa trú ở hang Pippali, ngồi một thế kiết-già trong bảy ngày, sau khi nhập vào một loại thiền định.⁵⁶ Rồi Tôn giả Mahākassapa, sau bảy ngày, xuất khỏi định ấy. Tôn giả Mahākassapa, sau khi xuất khỏi định ấy, suy nghĩ như sau: “Ta hãy đi vào Rājagaha để khát thực!” Lúc bấy giờ, năm trăm chư thiên đang cố gắng lo cho Tôn giả Mahākassapa được đồ ăn khát thực. Rồi Tôn giả Mahākassapa, sau khi khước từ năm trăm thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Rājagaha để khát thực.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka muốn cúng dường đồ ăn khát thực cho Tôn giả Mahākassapa, hóa thân làm người thợ dệt đang dệt chỉ, khi Sujātā, người nữ a-tu-la đang làm cho đầy cái thoi. Rồi Tôn giả Mahākassapa, sau khi đi từ nhà khát thực ở Rājagaha, đi đến trú xứ của Thiên chủ Sakka. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahākassapa từ xa đi đến; sau khi thấy, liền ra khỏi nhà, tiếp đón, lấy bát từ nơi tay cầm đem vào nhà, bới cơm từ nơi nôi, đựng đầy bát và đưa lại

⁵⁵ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Sa-môn phẩm” 法句經沙門品 (T.04. 0210.34. 0571c29); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

⁵⁶ Trong bản *Chú giải* cho rằng đó là một loại định của A-la-hán quả.

cho Tôn giả Mahākassapa. Đồ ăn khát thực ấy gồm có nhiều loại canh, nhiều loại món ăn, nhiều loại gia vị, món ăn trộn lẫn với nhau.

Rồi Tôn giả Mahākassapa suy nghĩ: “Ai là chúng sanh này, lại có thần lực uy lực như vậy?” Rồi Tôn giả Mahākassapa suy nghĩ: “Chính là Thiên chủ Sakka”; sau khi biết vậy, nói với Thiên chủ Sakka:

– Này Kosiya, chính ông đã làm sự việc này, chớ làm như vậy nữa!

– Thưa Tôn giả Kassapa, mục đích của chúng tôi là được phước. Điều chúng tôi cần làm là được phước.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahākassapa, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên trên hư không, và ở giữa hư không nói lên ba lần cảm hứng: “Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!”

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe giữa hư không Thiên chủ Sakka nói lên ba lần lời cảm hứng: “Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!”

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Vị Tỷ-kheo khát thực,	Tự sống không nhờ người,
Chư thiên mong được vậy,	Thường an tịnh, chánh niệm.

§8. KINH NGƯỜI CÓ HẠNH KHÁT THỰC (*Piṇḍapātikasutta*) (Ud. 30)

28. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, ngồi hội họp tại rạp tròn có cây Kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên: “Tỷ-kheo đi khát thực, thừa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân được cảm giác xúc khả ái. Thừa các Hiền giả, Tỷ-kheo khát thực được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi đi khát thực. Vậy này chư Hiền, chúng ta hãy là người đi khát thực, thỉnh thoảng mắt chúng ta được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai chúng ta được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi chúng ta được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi chúng ta được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân chúng ta được cảm giác xúc khả ái. Chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi chúng ta đi khát thực.”

Câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy chưa được nói xong, thì Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến rạp tròn có cây Kareri; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi ở đây nói câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa các ông chưa được nói xong?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con khi đi khát thực trở về, sau bữa ăn, chúng con ngồi hội họp tại rạp tròn có cây Kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: “Tỷ-kheo đi khát thực, thưa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái... chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi chúng ta đi khát thực.” Bạch Thế Tôn, đây là câu chuyện giữa chúng con, chưa được nói xong thì Thế Tôn đến.

– Nay các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các ông, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các ông nói lên câu chuyện như vậy. Khi các ông ngồi hội họp với nhau, này các Tỷ-kheo, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Vị Tỷ-kheo khát thực,	Tự sống không nhờ người,
Chư thiên mong được vậy.	Nhưng nếu Tỷ-kheo ấy,
Y tựa vào danh vọng,	Chư thiên không mong muốn.

§9. KINH NGHỀ NGHIỆP (*Sippasutta*)⁵⁷ (*Ud. 31*)

29. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvattthi, Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo... (như kinh trên)... câu chuyện này khởi lên: “Này chư Hiền, ai biết nghề gì? Ai học tập nghề gì? Nghề gì là tối thượng?”

Ở đây, một số người nói như sau: “Huấn luyện voi là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Huấn luyện ngựa là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Làm xe là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề bán cung là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề đao kiếm là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề ấn hiệu⁵⁸ là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề tính toán là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề ước lượng là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề viết bài là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề làm thơ là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề phỏng đoán các nguyên nhân tự nhiên⁵⁹ là nghề tối thượng.” Một số người nói như sau: “Nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thượng.” Đây là câu chuyện xảy ra giữa các Tỷ-kheo chưa được nói xong.

⁵⁷ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

⁵⁸ *Muddā*: Ấn hiệu, con dấu, in ấn. Có chỗ giải thích là dấu hiệu ra dấu bằng tay giữa người mua và bán châu báu. Họ che dưới một cái khăn để người xung quanh không biết.

⁵⁹ Tự nhiên học, phỏng đoán các hiện tượng thiên nhiên.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều... (như kinh trên)... chưa được nói xong... Ở đây, bạch Thế Tôn... khởi lên: “Này Hiền giả, ai biết nghề gì... nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thượng.” Bạch Thế Tôn, đây là câu chuyện xảy ra giữa chúng con, chưa được nói xong thì Thế Tôn đã đến.

– Này các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các ông... khi các ông ngồi hội họp với nhau, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Ai sống không nghề nghiệp,	Nhẹ nhàng, muốn lợi ích,
Các căn được chế ngự,	Toàn diện được giải thoát,
Không nhà, không ngã sở,	Không dục, đoạn kiêu mạn,
Vị Tỷ-kheo như vậy,	Sống cô độc một mình.

§10. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*)⁶⁰ (*Ud. 32*)

30. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Bô-đề, khi mới chứng Chánh đẳng giác. Lúc bảy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi một thế kiết-già, hưởng thọ giải thoát lạc. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, từ định ấy xuất khởi, nhìn đời với Phật nhãn, thấy các chúng sanh bị thiêu đốt với nhiều loại thiêu đốt, bị nhiệt não bởi nhiều loại nhiệt não, sanh ra bởi tham, bởi sân, bởi si.

Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Đời này bị thiêu đốt,	Chi phối bởi cảm xúc,
Tự mình nói rõ lên,	Chứng bệnh của chính mình.
Nghĩ do điều này, kia,	Lại là một điều khác.
Điều khác là vì hữu,	Bị lệ thuộc vì hữu.
Đời này hữu chi phối,	Lại hoan hỷ với hữu,
Hoan hỷ với điều gì,	Điều ấy gây sợ hãi.
Ai sợ hãi điều gì,	Điều ấy là đau khổ,
Chính do đoạn diệt hữu,	Phạm hạnh này được sống.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự giải thoát khỏi hữu là do hữu, Ta nói rằng tất cả những vị ấy không giải thoát khỏi hữu.

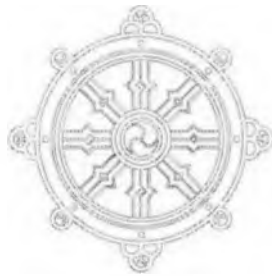
Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự xuất ly khỏi hữu là do phi hữu. Tất cả những vị ấy, Ta tuyên bố rằng họ không rời khỏi hữu.

⁶⁰ Tham chiếu; *Netti. 128; Pe. 23; Pháp cú kinh* “Sa-môn phẩm” 法句經沙門品 (T.04. 0210.34. 0571c29); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

Do duyên sanh y, khổ này được sanh khởi. Chính do đoạn diệt tất cả chấp thủ, khổ không có hiện hữu.

Hãy xem đời rộng này,
Các sanh loại được sanh,
Không thoát được sanh hữu.
Tất cả mọi thời, xứ,
Vô thường, khổ, biến hoại,
Vớ chơn chánh trí tuệ,
Phi hữu ái không hỷ,
Ly tham, diệt hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy mát lạnh,
Nhiếp phục được Ma vương,
Vị Tỷ-kheo như vậy,

Bị vô minh chi phối,
Ưu thích được sanh khởi,
Vớ ai đối sanh hữu,
Tất cả sanh hữu này,
Như vậy thấy như thật.
Hữu ái được đoạn tận,
Đoạn diệt ái hoàn toàn,
Như vậy là Niết-bàn.
Không chấp thủ tái sanh,
Trận chiến đã chiến thắng,
Vượt qua mọi sanh hữu.



IV. PHẨM MEGHIYA (MEGHIYAVAGGA)

§1. KINH MEGHIYA (*Meghiyasutta*)⁶¹ (Ud. 34)

31. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Cālīkā, tại núi Cālīkā. Lúc bấy giờ, Tôn giả Meghiya là thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.
- Nay Meghiya, hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khất thực ở làng Jantu xong, sau bữa ăn, trở về, đi đến bờ sông Kimikālā; sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikālā, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái; thấy vậy, Tôn giả Meghiya suy nghĩ: “Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này! Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì.” Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng Jantu để khát thực. Khất thực ở làng Jantu xong, sau bữa ăn, trở về, con đi đến bờ sông Kimikālā; sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikālā, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái; thấy vậy, con suy nghĩ: “Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này! Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần.” Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

– Hãy chờ đợi, nay Meghiya! Ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến!

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có

⁶¹ Tham chiếu: A. IV. 354; *Di-ê kinh* 彌醯經 (T.01. 0026.56. 0491a14); *Xuất diệu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hộ tâm phẩm” 法集要頌護經心品 (T.04. 0213.31. 0795b06).

việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

– Hãy chờ đợi, này Meghiya! Ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến!

Lần thứ ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

– Này Meghiya, khi ông nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy; sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: “Thật kỳ lạ thay, thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.” Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: “Thật kỳ lạ thay... hại tâm.”

– Này Meghiya, có năm pháp đưa đến sự thuần thực cho tâm giải thoát chưa thuần thực. Thế nào là năm?

Ở đây, thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu; đây là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và tu tập trong các học pháp; đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Lại nữa, này Meghiya, phạm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như: Câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không kết giao, câu chuyện về khởi tâm tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có được như ý muốn, có được không khó khăn, có được không

một nhọc; đây là pháp thứ ba, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, tinh tấn, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện; đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau; đây là pháp thứ năm, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực. Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là phạm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng khai mở tâm đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như: Câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không kết giao, câu chuyện về khởi tâm tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiên định, câu chuyện về trí tuệ,⁶² câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có được như ý muốn, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc.

Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.

Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, bốn pháp cần phải tu tập thêm: Bất tịnh, cần phải tu tập để đoạn tận tham; từ, cần phải tu tập để đoạn tận sân; niệm hơi thở vô hơi thở ra, cần phải tu tập để trừ khử tầm tư; vô thường tướng, cần phải tu tập để nhỏ lên kiêu mạn: “Tôi là.” Này Meghiya, với ai có tướng vô thường, tướng vô ngã được an trú; với ai có tướng vô ngã, vị ấy đạt được sự nhỏ lên kiêu mạn: “Tôi là.” Niết-bàn ngay trong hiện tại.

⁶² Xem A. III. 117.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Các tâm nhỏ tế nhị,	Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,	Tâm động, chạy nhiều đời,
Nếu biết chúng tầm tư,	Nhiệt tâm và chánh niệm,
Chế ngự được tư tưởng,	Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh Giác bỏ chúng,	Không còn chút dư tàn.

§2. KINH THÁO ĐỘNG (*Uddhatasutta*)⁶³ (Ud. 37)

32. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinārā, tại Upavattana, trong khu rừng sāla của dân chúng Mallā. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang sống trong những cốc ở trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu, tháo động, kiêu căng, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Thế Tôn thấy số đông các Tỷ-kheo ấy đang sống trong những cốc ở trong rừng, tháo động, kiêu căng, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Với thân không hộ trì,	Với tà kiến chi phối,
Bị hôn trầm, thụy miên,	Nhiếp phục và chế ngự,
Kẻ ấy bị rơi vào,	Uy lực của Ma vương.
Do vậy hộ trì tâm,	Sở hành chánh tư duy,
Đặt chánh kiến hàng đầu,	Rõ biết tánh sanh diệt,
Nhiếp phục và chế ngự,	Hôn trầm và thụy miên,
Vị Tỷ-kheo như vậy,	Từ bỏ mọi ác thú.

§3. KINH NGƯỜI CHĂN BÒ (*Gopālakasutta*) (Ud. 38)

33. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ con đường bước xuống, đi đến một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Có một người chăn bò đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

⁶³ Tham chiếu: *Netti*. 40, 85, 103, 108; *Xuất diệu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hộ tâm phẩm” 法集要頌經護心品 (T.04. 0213.31. 0795b06).

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa và bơ tươi tại tư gia và báo thời giờ cho Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của người chăn bò ấy với chúng Tỷ-kheo; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, với cơm sữa và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi Thế Tôn đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp khác, ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên; rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy tại biên giới của làng. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hôm nay, chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên giới của làng.

Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Nếu có độc ác gì,	Kẻ thù hại người thù,
Tâm định hướng tà vạy,	Còn làm ác hơn nữa. ⁶⁴

§4. KINH CÁI ĐÁNH CỦA DẠ-XOA (*Yakkhapahārasutta*)⁶⁵ (Ud. 39)

34. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở động chim bồ câu. Tôn giả Sāriputta trong đêm sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong, đang nhập định. Có hai dạ-xoa là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sāriputta trong đêm sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, dạ-xoa thứ nhất nói với dạ-xoa thứ hai: “Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này.” Được nghe nói vậy, vị dạ-xoa này nói với dạ-xoa

⁶⁴ Xem *Dh.* v. 42.

⁶⁵ Tham chiếu: *Thag.* v. 191; *Miln.* 95; *Netti.* 128; *Pe.* 23. 147; *Xuất diệu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hộ tâm phẩm” 法集要頌經護心品 (T.04. 0213.31. 0795b06).

ấy: “Thôi đi, bạn! Đừng xúc phạm vị Sa-môn ấy! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực.” Lần thứ hai, vị dạ-xoa ấy nói với vị dạ-xoa này: “Đây bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này.” Lần thứ hai, vị dạ-xoa này nói với vị dạ-xoa ấy: “Thôi đi, bạn! Đừng xúc phạm vị Sa-môn ấy! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực.” Lần thứ ba, vị dạ-xoa ấy nói với vị dạ-xoa này: “Đây bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này.” Lần thứ ba, vị dạ-xoa này nói với vị dạ-xoa ấy: “Thôi đi, bạn! Đừng xúc phạm vị Sa-môn ấy! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực.”

Rồi dạ-xoa ấy không nghe theo, liền đánh trên đầu Tôn giả Sāriputta. Với cái đánh quá mạnh này, có thể làm tan xác con voi cao từ bảy đến bảy rưỡi khuỷu tay, hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, dạ-xoa ấy hét lớn: “Tôi bị cháy! Tôi bị cháy!” và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahāmoggallāna với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sāriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta:

– Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng! Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

– Đây Hiền giả Moggallāna, tôi có thể kham nhẫn. Hiền giả Moggallāna, tôi có thể chịu đựng, nhưng tôi có hơi đau đầu.

– Thật vi diệu thay, Hiền giả Sāriputta! Thật hy hữu thay, Hiền giả Sāriputta! Hiền giả Sāriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở đây, thưa Hiền giả Sāriputta, có con dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh; với cái đánh ấy, có thể làm tan xác con voi cao từ bảy đến bảy rưỡi khuỷu tay, hay làm bể tan ngọn núi lớn.

Và Tôn giả Sāriputta đã nói như sau:

– Đây Hiền giả Moggallāna, tôi có thể kham nhẫn. Đây Hiền giả Moggallāna, tôi có thể chịu đựng, nhưng tôi có hơi đau đầu. Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallāna! Thật hy hữu thay, Hiền giả Moggallāna! Có đại thần lực, có đại uy lực là Tôn giả Mahāmoggallāna! Vì rằng Hiền giả có thể thấy được dạ-xoa, nhưng tôi nay không thấy được một con quỷ đói chỗ đóng rúc.⁶⁶

Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị Đại long tượng ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Tâm ai như tảng đá,
Không tham vật khả ái,
Tâm ai tu như vậy,

An trú không dao động,
Đáng phần nộ không sân,
Từ đâu khổ đến được.

⁶⁶ Một loại quỷ thường ở trên núi (*Chú giải*).

§5. KINH CON VOI (*Nāgasutta*)⁶⁷ (Ud. 41)

35. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị quấy rầy bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo; vì bị quấy rầy nên trở ngại, không có thoải mái, an ổn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: “Nay Ta bị quấy rầy bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... ; vì bị quấy rầy nên trở ngại, không có thoải mái, an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời đại chúng.”

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambī để khát thực. Khát thực ở Kosambī xong, sau bữa ăn, khi trở về, liền dọn dẹp sàng tọa của mình, cầm y bát, không nói cho thị giả biết, không báo cho chúng Tỷ-kheo biết, một mình không có người thứ hai, ra đi bộ hành hướng đến Pālileyyaka. Ngài cứ đi như vậy, sau cùng thì đến Pālileyyaka. Tại đây, Thế Tôn sống ở Pālileyyaka, khóm rừng Rakkhita, dưới gốc cây Sāla Bhadda.

Rồi một con voi bị quấy rầy bởi các con voi, các con voi cái, các con voi con, các con voi còn bú; ăn cỏ với đầu ngọn bị cắt đứt, ăn các cành cây bị gãy, uống nước bị vắn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước, nó bị các con voi cái cọ xát thân hình; vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Rồi con voi ấy suy nghĩ: “Ta bị quấy rầy bởi các con voi, các con voi cái... vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Vậy ta hãy sống một mình, xa rời khỏi đàn voi.”

Rồi con voi ấy, rời khỏi đàn voi, đi đến Pālileyyaka, tại khóm rừng Rakkhita, ở gốc cây Sāla Bhadda. Tại đây, con voi ấy, tại chỗ nào Thế Tôn ở thì tại chỗ ấy, nó dọn sạch cỏ với cái vòi của mình, đem nước uống, đồ ăn để Thế Tôn dùng.

Rồi Thế Tôn, trong khi sống độc cư thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: “Ta trước đây bị quấy rầy bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... vì bị quấy rầy nên trở ngại, không có thoải mái, an ổn. Nay Ta sống không bị quấy rầy bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... vì không bị quấy rầy, Ta sống an lạc, thoải mái.”

Còn con voi ấy cũng khởi lên suy nghĩ như sau: “Trước đây, ta sống bị quấy rầy bởi các con voi... ; vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Nay ta sống không bị quấy rầy bởi các con voi... ; ta ăn cỏ với đầu ngọn không bị cắt đứt, ăn các cành cây không bị gãy, uống nước không bị vắn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước, ta không bị các con voi cái cọ xát thân hình, ta không bị quấy rầy nên sống an lạc, thoải mái.”

Rồi Thế Tôn, sau khi biết hạnh viễn ly của mình, với tâm của mình biết được tâm của con voi ấy, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

⁶⁷ Tham chiếu: Vin. I. 337; *Xuất diêu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hộ tâm phẩm” 法集要頌經護心品 (T.04. 0213.31. 0795b06).

Đây là voi với voi,⁶⁸
Vớ tâm đồng với tâm,

Vớ voi có ngà lớn,
Một mình vui thích rừng.

§6. KINH PIṆḌOLA (*Piṇḍolasutta*)⁶⁹ (Ud. 42)

36. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, sống ở rừng, đi khát thực, mặc y lượm từ đồng rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa thích hội họp, tinh cần, tinh tấn, nói hạnh Đầu-đà, chú tâm vào tăng thượng tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Không mắng, không gia hại,	Chế ngự trong Giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống,	Nằm ngồi chỉ một mình,
Chú tâm vào tăng thượng,	Chính lời chư Phật dạy.

§7. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*)⁷⁰ (Ud. 43)

37. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần, tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả Sāriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần, tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

Tâm tăng thượng ân sĩ,	Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí, ⁷¹	Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,	Thường nắm giữ chánh niệm.

⁶⁸ *Nāga* có nghĩa là bậc Hiền trí, bậc Long tượng, con voi và con rắn.

⁶⁹ Tham chiếu: D. II. 1; Dh. v. 185; *Pháp cú kinh* “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (T.04. 0210.22. 0567a01); *Xuất diệu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hộ tâm phẩm” 法集要頌經護心品 (T.04. 0213.31. 0795b06).

⁷⁰ Tham chiếu: Thag. v. 68; Vin. IV. 54; *Pháp cú kinh* “Giáo học phẩm” 法句經教學品 (T.04. 0210.2. 0559b13); *Pháp cú thí dụ kinh* “Giáo học phẩm” 法句譬喻經教學品 (T.04. 0211.2. 0577a15); *Xuất diệu kinh* “Vô phóng dật phẩm” 出曜經無放逸品 (T.04. 0212.4. 0636c29); *Xuất diệu kinh* “Phóng dật phẩm” 出曜經放逸品 (T.04. 0212.5. 0641c17); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phóng dật phẩm” 法集要頌經放逸品 (T.04. 0213.4. 0779a01).

⁷¹ Chỉ cho quả A-la-hán.

§8. KINH SUNDARĪ (*Sundarīsutta*)⁷² (*Ud.* 43)

38. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... cũng không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundarī; sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundarī:

– Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

– Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

– Vậy chị hãy thường đi đến Jetavana!

– Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundarī, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy, thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundarī được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundarī; tại đây, chôn nàng vào cái hố trong cái mương của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala; sau khi đến, thưa với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Thừa Đại vương, chúng tôi không nhìn thấy nữ du sĩ Sundarī.

– Nhưng các người nghỉ ở tại đâu?

– Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.

– Vậy hãy đi tìm ở Jetavana!

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mương tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sāvatti từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: “Các ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, không giữ giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh; họ tự cho là sống đúng pháp, sống thanh tịnh, sống Phạm hạnh, nói lời chơn thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong những vị này, không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Sa-môn hạnh của họ bị hủy hoại, Bà-la-môn hạnh của họ bị hủy hoại. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có

⁷² Tham chiếu: *Ud.* 12; *It.* 42; *Sn.* 123; *Miln.* 155; *Dh.* v. 306; *Pháp cú kinh* “Địa ngục phẩm” 法句經地獄品 (*T.04. 0210.30. 0570a05*); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ngũ ngôn phẩm” 法集要頌經語言品 (*T.04. 0213.8. 0781b03*); *Xuất diệu kinh* “Phi báng phẩm” 出曜經誹謗品 (*T.04. 0212.9. 0663c18*); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (*T.04. 0212.33. 0764c15*); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bát-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (*T.04. 0213.32. 0796b16*).

Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã bị mất, sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.”

Lúc bấy giờ, các người ở Sāvatti, khi thấy các Tỷ-kheo, họ dùng những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, nói rằng: “Vô liên si là các Sa-môn Thích tử này, không giữ giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.”

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Sāvatti để khát thực; khát thực ở Sāvatti xong, sau bữa ăn, trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay các người ở Sāvatti khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.”

– Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy Tỷ-kheo... bức nảo, các ông hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

Ai nói lời không thật,	Phải đi đến địa ngục,
Ai có làm lại nói,	Việc ấy tôi không làm,
Họ là những hạng người,	Làm các hạnh hạ liệt,
Cả hai sau khi chết,	Sẽ đồng đẳng như nhau,
Trong một đời sống khác. ⁷³	

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo mà dùng những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: “Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác.” Những người ấy suy nghĩ như sau: “Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã tuyên bố như vậy.” Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: “Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.” Bạch Thế Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

⁷³ Xem *Dh.* v. 306.

Người không biết chế ngự,	Dùng lời đâm người khác,
Giống dùng tên đâm voi,	Khi tham gia chiến trận.
Nghe những lời thô ác,	Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,	Tâm không có hiềm hận.

§9. KINH UPASENA (*Upasenasutta*)⁷⁴ (Ud. 45)

39. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Upasena Vaṅgantaputta⁷⁵ trong khi độc cư thiền tịnh, ý nghĩ như sau được khởi lên: “Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta! Bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống trong Pháp, Luật khéo nói. Các vị đồng Phạm hạnh với ta là những người có giới, theo thiện pháp. Chúng ta là những người giữ trọn vẹn giới luật. Chúng ta có thiền định. Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc. Chúng ta có đại thần lực, đại uy lực. Hiền thiện là mạng sống của ta, hiền thiện là sự chết của ta.”

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vaṅgantaputta, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Ai sống không nhiệt nảo,	Khi chết không sầu muộn.
Bậc trí thấy Niết-bàn,	Giữa sầu không sầu muộn.
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,	Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,	Vị ấy không tái sanh.

§10. KINH SỰ AN TỊNH CỦA SĀRIPUTTA

(*Sāriputtaupasamasutta*)⁷⁶ (Ud. 46)

40. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Thế Tôn thấy Tôn giả Sāriputta ngồi xa Ngài không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình.

Rồi Thế Tôn, sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Tỷ-kheo tâm an tịnh,	Chặt đứt dây tham ái,
Luân hồi sanh tử tận,	Thoát khỏi ma trời buộc.

⁷⁴ Tham chiếu: Sn. 139; *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

⁷⁵ Em của Sāriputta.

⁷⁶ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

V. PHẨM TRƯỞNG LÃO SONA (SONAVAGGA)

§1. KINH THÂN ÁI HƠN (*Piyatarasutta*)⁷⁷ (*Ud.* 47)

41. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala có mặt với Hoàng hậu Mallikā trên lầu thượng của hoàng cung, rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Hoàng hậu Mallikā:

– Nay Mallikā, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

– Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

– Nay Mallikā, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikā và con nói với Hoàng hậu Mallikā: “Nay Mallikā, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?”

Khi được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikā trả lời với con: “Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?” Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikā: “Nay Mallikā, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.”

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Tâm ta đi cùng khắp,	Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,	Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,	Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,	Chớ hại tự ngã người.

⁷⁷ Tham chiếu: S. I. 75, *Mallikā-sutta* (Kinh Mallikā); Xuất diệu kinh “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

§2. KINH THỌ MẠNG NGẮN (*Appāyukasutta*)⁷⁸ (Ud. 47)

42. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvaththi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mạng chung, được sanh ở cõi trời Đâu-suất.

– Chính là như vậy, này Ānanda. Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ-tát! Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, mẹ Bồ-tát mạng chung, được sanh ở cõi trời Đâu-suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bồ-tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bồ-tát mạng chung và được sanh lên cõi trời Đâu-suất!

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Tất cả hữu tình nào,
Tất cả chúng sẽ đi,
Hiểu tất cả là vậy,
Sống đời sống Phạm hạnh.

Đã hoặc sẽ ra đời,
Sau khi bỏ sắc thân,
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,

§3. KINH NGƯỜI HỦI SUPPABUDDHA

(*Suppabuddhakutṭhisutta*)⁷⁹ (Ud. 48)

43. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veḷuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng doanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đằng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: “Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm.” Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vây, thấy vậy liền suy nghĩ: “Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe pháp.” Tại đây, người hủi ngồi xuống và nghĩ: “Ta sẽ nghe pháp.”

⁷⁸ Tham chiếu: *Netti*. 128; *Pe*. 23; *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

⁷⁹ Tham chiếu: *Netti*. 5; *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng, tác ý rằng: “Ở đây, ai có thể hiểu được pháp.” Thế Tôn thấy người hủ Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: “Ở đây, người này có thể hiểu pháp.”

Vì người hủ Suppabuddha, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, tức là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về thiên giới, thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủ Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo.

Cũng như tấm vải thuần bạch được gột rửa các vết đen sẽ rất dễ thấm màu nhuộm. Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủ Suppabuddha: “Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt.” Khi ấy, người hủ Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bổn sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủ Supabuddha bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thừa Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

Rồi người hủ Suppabuddha được Thế Tôn chấp thuận với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ; sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Sau đó, một con bò húc vào người hủ Suppabuddha và đoạt mạng sống. Nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, người hủ tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?

– Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủ Suppabuddha đã thực hành tùy pháp, đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha, sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đạo, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủ Suppabuddha là con của một nhà triệu phú ở Rājagaha, khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc Giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: “Ai là người hủ này mang y của người hủ đi lang thang?” Vị ấy nhỏ nước miếng và xoay lưng phía trái rồi bỏ đi. Do quả của nghiệp này mà nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do quả còn lại của nghiệp ấy, chính tại Rājagaha này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng. Nay vị ấy do y cứ vào Pháp, Luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng tin, vị ấy được giới, vị ấy được nghe pháp, vị ấy được từ bỏ, vị ấy được trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, được cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Như người có mắt nhìn,	Cố gắng tránh lời lờm,
Cũng vậy người trí tránh,	Điều ác giữa đời này.

§4. KINH THIẾU NIÊN (*Kumārakasutta*)⁸⁰ (Ud. 51)

44. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, nhiều thiếu niên giữa Sāvattthi và Jetavana đang hành hạ các con cá nhỏ. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvattthi để khát thực. Thế Tôn thấy nhiều thiếu niên giữa Sāvattthi và Jetavana đang hành hạ các con cá nhỏ; thấy vậy, đi đến các thiếu niên ấy, sau khi đến, nói với chúng:

– Này các thiếu niên, các con có sợ đau khổ không? Các con không ưa thích khổ phải không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, chúng con sợ đau khổ. Chúng con không ưa thích khổ.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Nếu con sợ đau khổ,	Nếu con không ưa khổ,
Dầu bất cứ chỗ nào,	Trước mặt hay sau lưng,
Chớ làm các nghiệp ác.	Nếu con làm, sẽ làm,
Các nghiệp ác, bất thiện,	Con không thoát khỏi khổ,
Dầu nhảy vọt và chạy.	

⁸⁰ Tham chiếu: *Netti*. 128; *Pe*. 23 *Xuất diệu kinh* “Hành phẩm” 出曜經行品 (T.04. 0212.10. 0668a04); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Nghiệp phẩm” 法集要頌經業品 (T.04. 0213.9. 0781c10).

§5. KINH NGÀY TRAI GIỚI (*Uposathasutta*)⁸¹ (*Ud. 51*)

45. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Pubbārāma, trong lâu đài của mẹ Migāra. Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào ngày trai giới, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoàn vây.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi đêm đã khuya, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã khuya, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Giới bốn (*Pātimokkha*) cho chúng Tỷ-kheo!

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda, khi đêm đã khuya, canh giữa đã sắp qua... chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Giới bốn cho chúng Tỷ-kheo!

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết Giới bốn cho chúng Tỷ-kheo!

– Này Ānanda, hội chúng này không thanh tịnh.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ: “Vì người nào mà Thế Tôn nói: ‘Này Ānanda, hội chúng này không thanh tịnh’?” Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahāmoggallāna thấy một người không giữ giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy ứ dục vọng, bản chất ô uế, đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo; thấy vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy; sau khi đến, nói với người ấy:

– Hiền giả, hãy đứng dậy! Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Người ấy giữ im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Moggallāna nói với người ấy:

– Hiền giả, hãy đứng dậy! Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

⁸¹ Tham chiếu: *A. IV. 197, 204; Thag. v. 447; Vin. II. 236; Xuất diệu kinh* “Giới phẩm” 出曜經戒品 (*T.04. 0212.7. 0654c18*); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Trì giới phẩm” 法集要頌經持戒品 (*T.04. 0213.6. 0780b16*).

Lần thứ hai, người ấy im lặng.

Lần thứ ba, Tôn giả Mahāmoggallāna... Lần thứ ba, người ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nắm tay người ấy, dắt tay ra khỏi cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đưa ra ngoài rồi. Hội chúng nay thanh tịnh, bạch Thế Tôn. Thế Tôn hãy thuyết Giới bốn (*Pātimokkha*) cho chúng Tỷ-kheo!

– Thật lạ lòng thay, Moggallāna! Thật dị thường thay, Moggallāna! Người ngu si ấy chờ đợi cho đến khi bị cầm tay.

Rồi Thế Tôn, bảo các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay, Ta sẽ không làm Bồ-tát (*Upasatha*) nữa, Ta sẽ không tụng đọc Giới bốn (*Pātimokkha*) nữa. Bắt đầu từ nay, các ông hãy làm Bồ-tát, các ông hãy tụng đọc Giới bốn. Sự kiện không có được, nay các Tỷ-kheo, cơ hội không có được, là Như Lai có thể làm Bồ-tát, có thể đọc Giới bốn với hội chúng không thanh tịnh.

Này các Tỷ-kheo, biển lớn có tám pháp vi diệu hy hữu này, do thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự nghiêng xuôi, tuần tự thấp dần, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự nghiêng xuôi, tuần tự thấp dần, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ nhất chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ hai chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết, nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết, nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ ba chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên trước, trở thành biển lớn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên trước, trở thành biển lớn; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ tư chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trên trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm, tăng. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có nước mưa từ trên trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm, tăng; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ năm chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ sáu chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây, có những châu báu này, như: Trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xà cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây, có những loại châu báu này, như: Trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xà cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ bảy chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ của các loài sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật này, như các con timi, timiṅgala, timitimiṅgala, các loài a-tu-la, các loài nāga, các loài gandhabba; trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ của các loài sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật này, như các con cá khổng lồ timi, timiṅgala, timitimiṅgala, các loài a-tu-la, các loài nāga, các loài gandhabba; trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần; này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu thứ tám chưa từng có của biển lớn. Do thấy vậy, biết vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp vi diệu chưa từng có trong Pháp, Luật này. Do thấy vậy, biết vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này. Thế nào là tám?

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự nghiêng xuôi, tuần tự thấp dần, tuần tự sâu dần, không có thành lồi như một vực thẳm; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp, Luật này, các học pháp là tuần tự, các bước thực hành là tuần tự, các bước tiến bộ là tuần tự, không có sự thể nhập Chánh trí thành lồi, này các Tỷ-kheo, vì rằng trong Pháp, Luật này, các học pháp là tuần tự, các bước thực hành là tuần tự, các bước tiến bộ là tuần tự, không có sự thể nhập Chánh trí thành lồi, này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ nhất chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ không có vượt qua bờ, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta tuyên dạy cho các đệ tử,

các đệ tử của Ta dầu cho vì sinh mạng cũng không vượt qua. Nay các Tỷ-kheo, vì rằng trong Pháp, Luật này, các học pháp được Ta tuyên dạy cho các đệ tử, các đệ tử của Ta dầu cho vì sinh mạng cũng không vượt qua; nay các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ hai chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết, nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, người nào không giữ giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, ứ đầy tham dục, bản chất ô uế, chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo-tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Nay các Tỷ-kheo, vì rằng trong Pháp, Luật này, người ấy không giữ giới, theo ác pháp... bản chất ô uế... và chúng Tăng sống xa vị ấy; nay các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ ba chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, phạm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī; các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên trước, trở thành biển lớn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp, Luật được Như Lai tuyên bố sau này; họ từ bỏ tên họ của mình từ trước và trở thành những Sa-môn Thích tử. Nay các Tỷ-kheo, vì rằng trong Pháp, Luật này, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly... trở thành những Sa-môn Thích tử; nay các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ tư chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, phạm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phạm có những nước mưa từ trên trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm, tăng. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có giảm, tăng. Nay các Tỷ-kheo, vì rằng nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới... cũng không vì vậy được thấy có giảm, tăng; nay các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ năm chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này, Pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát; nay các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ sáu chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đây, có những châu báu này, như: Trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xà cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp, Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây, có những loại châu báu này, như: Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp, Luật này có nhiều châu báu, như: Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ bảy chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ của các loài sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con cá khổng lồ timi, timiṅgala, timitimiṅgala, các loài asura, các loài nāga, các loài gandhabba; trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loài sinh vật lớn. Ở đây, có những sinh vật này: Bạc Dụ lưu, bạc đang hướng đến chứng ngộ Dụ lưu quả; bạc Nhất lai, bạc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bạc Bất lai, bạc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bạc A-la-hán, bạc đang hướng đến chứng ngộ A-la-hán quả. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn; ở đây, có những sinh vật này... A-la-hán quả; này các Tỷ-kheo, đây là pháp vi diệu thứ tám chưa từng có trong Pháp, Luật. Do thấy vậy, biết vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này. Do thấy vậy, biết vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp, Luật này.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên lời cảm hứng:

Mưa rơi trên mái che,
Vây mở mái che ra,

Không rơi trên khoảng trống,
Mưa không rơi trên đó.

§6. KINH SỌNA (*Soṇasutta*)⁸² (*Ud. 57*)

46. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākaccāna trú ở giữa dân chúng xứ Avanti, gần thành Kuraraghara, trên ngọn núi tên Pavatta. Lúc bấy giờ, nam cư sĩ Sọna Kuṭikaṇṇa là thị giả của Tôn giả Mahākaccāna. Rồi nam cư sĩ Sọna Kuṭikaṇṇa trong khi đọc cư thiện tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: “Như Tôn giả Mahākaccāna thuyết pháp, thật không dễ dàng cho một người sống trong gia đình có thể thực hành một cách viên mãn Phạm hạnh thuần tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy

⁸² Tham chiếu: *Vin. I. 179; Sn. 151-63, 166, 168, 171, 174, 179, 182, 185; Xuất diệp kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.” Nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa thưa Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Tôn giả, ở đây, trong khi con độc cư thiên tịnh... sống không gia đình. Thưa Tôn giả, Tôn giả hãy cho con xuất gia!

Nghe nói vậy, Tôn giả Mahākaccāna nói với nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa:

– Nay Soṇa, thật khó thay đời sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình cho đến trọn đời! Nay Soṇa, cứ ở nhà, sống trong gia đình, chú tâm vào lời dạy của chư Phật, tạm thời hiện tại sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình. Lúc đó, lòng ham muốn xuất gia của nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa được giảm nhẹ bớt.

Lần thứ hai, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa trong khi độc cư thiên tịnh... “... sống không gia đình. Lần thứ hai, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đi đến Tôn giả Mahākaccāna... Hãy cho con xuất gia!” Lần thứ hai, Tôn giả Mahākaccāna nói với nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa:

– Nay Soṇa, thật khó thay... được giảm nhẹ bớt.

Lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa trong khi độc cư thiên tịnh... “... sống không gia đình. Lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đi đến Tôn giả Mahākaccāna và thưa... Hãy cho con xuất gia!” Rồi Tôn giả Mahākaccāna cho nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa xuất gia. Lúc bấy giờ, tại vùng phía Nam của xứ Avanti có ít Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Mahākaccāna, sau ba kỳ an cư mùa mưa, một cách khó khăn, một cách mệt nhọc, tụ tập từ chỗ này chỗ nọ được một nhóm mười Tỷ-kheo và trao Đại giới cho Tôn giả Soṇa.

Tôn giả Soṇa sau khi an cư mùa mưa độc cư thiên tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn, tuy rằng ta có nghe Thế Tôn là vị như vậy, như vậy. Nếu vị Giáo thọ sư của ta cho phép, ta sẽ đi đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.” Rồi Tôn giả Soṇa vào buổi chiều, từ độc cư thiên tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahākaccāna rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Soṇa thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Tôn giả, trong khi con độc cư thiên tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn... Chánh Đẳng Giác.”

– Lành thay, lành thay, Soṇa! Hãy đi, nay Soṇa, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Nay Soṇa, người sẽ thấy Thế Tôn khả ái, khơi dậy lòng tin, các căn an tịnh, tâm ý thanh tịnh, đã đạt được an chỉ chế ngự tối thượng, bậc Long tượng được điều phục, hộ trì, các căn nhiếp phục. Sau khi thấy, hãy nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, nhẹ nhàng, khỏe mạnh, an ổn không, thưa rằng: “Bạch Ngài, Giáo thọ sư

của con là Tôn giả Mahākaccāna cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Ngài có ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng, an ổn không?”

– Thưa vâng, Tôn giả.

Tôn giả Soṇa hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahākaccāna, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Mahākaccāna, thân bên hữu hướng về Tôn giả, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, bộ hành hướng về Sāvattthi; cứ đi như vậy cuối cùng thì đến Sāvattthi, Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Soṇa bạch Thế Tôn:

– Bạch Ngài, Giáo thọ sư của con là Tôn giả Mahākaccāna cúi đầu đánh lễ, hỏi thăm... có an ổn không?

– Nay Tỷ-kheo, ông có kham nhẫn được không? Ông có sống dễ dàng không? Đi đường đến đây không có mệt nhọc, khát thực không có mệt nhọc chứ?

– Bạch Thế Tôn, con có thể kham nhẫn. Bạch Thế Tôn, con có thể sống dễ dàng. Bạch Ngài, con đi đường không có mệt nhọc, khát thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Nay Ānanda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này!

Tôn giả Ānanda suy nghĩ: “Thế Tôn bảo ta: ‘Nay Ānanda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này!’ Như vậy, Thế Tôn muốn ở chung một chỗ với Tỷ-kheo ấy. Như vậy, Thế Tôn muốn ở chung với Tôn giả Soṇa ấy.” Nên chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy, Tôn giả Ānanda sửa soạn sàng tọa cho Tôn giả Soṇa. Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi ở ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tinh xá. Tôn giả Soṇa, sau khi ngồi ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tinh xá. Rồi Thế Tôn, khi đêm đã gần sáng, thức dậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Soṇa:

– Hãy nói pháp cho các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Soṇa vâng đáp Thế Tôn, đọc thuộc lòng mười sáu phần của phẩm thứ tám⁸³ một cách đầy đủ. Sau khi Tôn giả Soṇa chấm dứt tụng đọc của mình, Thế Tôn nói:

– Lành thay, lành thay Tỷ-kheo! Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì toàn bộ mười sáu phần trong phẩm thứ tám. Người được đầy đủ thiện ngôn,⁸⁴ minh bạch, phát ngôn rõ ràng, ý nghĩa minh xác. Nay Tỷ-kheo, ông có bao nhiêu tuổi an cư mùa mưa?

– Bạch Thế Tôn, con có một tuổi an cư mùa mưa.

– Nay Tỷ-kheo, vì sao ông lại để chậm như thế?

⁸³ Chỉ cho chương IV của *Suttanipāṭa*, bắt đầu từ *Kāmasutta* (Kinh về dục) gồm có 209 bài kệ.

⁸⁴ Câu này được tìm thấy trong A. II. 50, 96; S. I. 240; II. 280.

– Bạch Thế Tôn, đã lâu con thấy sự nguy hại trong các dục, nhưng sự bó buộc của đời sống gia đình, nhiều phận sự, nhiều công việc phải làm.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thấy nguy hại ở đời,	Biết pháp không sanh y,
Bậc Thánh không ưa ác,	Bậc tịnh không ưa ác.

§7. KINH KANĶHĀREVATA (*Kaṅkhārevatasutta*)⁸⁵ (Ud. 60)

47. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Kaṅkhārevata ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ. Thế Tôn thấy Tôn giả Kaṅkhārevata ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Phạm những nghi hoặc gì,	Đời này hay đời sau,
Tự mình cảm nhận được,	Hay người khác cảm nhận,
Người hành thiện từ bỏ,	Hoàn toàn tất cả chúng,
Nhiệt tâm hành Phạm hạnh.	

§8. KINH CHIA RẼ TĂNG CHÚNG (*Sanṅghabhedasutta*)⁸⁶ (Ud. 60)

48. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda trong ngày trai giới, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Rājagaha để khát thực. Devadatta thấy Tôn giả Ānanda đi khát thực ở Rājagaha; sau khi thấy, đi đến Tôn giả Ānanda và nói với Tôn giả Ānanda:

– Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ānanda, ta sẽ làm lễ trai giới và sẽ tác thành các Tăng sự riêng khác với Thế Tôn, khác với chúng Tỷ-kheo.

Tôn giả Ānanda, sau khi đi khát thực ở Rājagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Rājagaha để khát thực. Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy con đi khát thực ở Rājagaha, thấy

⁸⁵ Tham chiếu: *Ap.* II. 491; *Kv.* 180; *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

⁸⁶ Tham chiếu: *Vin.* II. 180; *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

vậy liền đi đến con và nói: “Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ānanda... khác với chúng Tỷ-kheo.” Hôm nay, bạch Thế Tôn, Devadatta sẽ phá hòa hợp Tăng, làm lễ trai giới và hành các Tăng sự.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Dễ làm là việc lành,	Đối với kẻ làm lành.
Khó làm là việc ác,	Đối với kẻ làm lành.
Dễ làm là việc ác,	Đối với kẻ làm ác.
Khó làm là việc ác,	Đối với các bậc Thánh.

§9. KINH LỜI NHIỆC MẮNG (*Sadhāyamānasutta*)⁸⁷ (Ud. 61)

49. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nhiều thanh niên Bà-la-môn không xa Thế Tôn bao nhiêu, dùng những lời nhiếc mắng vượt đả quá xa. Thế Tôn thấy nhiều thanh niên không xa bao nhiêu, dùng những lời nhiếc mắng vượt đả quá xa.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Người mờ mịt, ngơ ngác,	Tỏ ra mình có trí,
Dùng ngôn từ sáo rỗng,	Chỉ muốn mở miệng rộng,
Cái gì dốt dẫn họ,	Họ cũng không biết rõ.

§10. KINH CŪḶAPANTHAKA (*Cūḷapanthakasutta*)⁸⁸ (Ud. 61)

50. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Cūḷapanthaka ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tôn giả Cūḷapanthaka ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Với thân tâm an trú,	Đứng, ngồi hay nằm xuống,
Tỷ-kheo an trú niệm,	Trước sau ⁸⁹ được thù thắng,
Trước sau thù thắng rồi,	Vượt tầm mắt Ác ma.

⁸⁷ Tham chiếu: M. III. 152; J. III. 488; Vin. I. 337.

⁸⁸ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Duy niệm phẩm” 法句經惟念品 (T.04. 0210.6. 0561a16); *Xuất diệu kinh* “Duy niệm phẩm” 出曜經惟念品 (T.04. 0212.16. 0698b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ưc niệm phẩm” 法集要頌經憶念品 (T.04. 0213.15. 0784b14).

⁸⁹ Theo *Chú giải*, đây chỉ cho “chỉ” rồi đến “quán.”

VI. PHẨM SANH RA ĐÃ MÙ (JACCANDHAVAGGA)

§1. KINH TỪ BỎ THỌ HÀNH (*Āyusañkhārossajjanasutta*)⁹⁰ (Ud. 62)

51. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, tại Đại Lâm, chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vesālī để khát thực. Khát thực ở Vesālī xong, sau bữa ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ānanda:

- Này Ānanda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến đền Cāpāla để nghỉ ban ngày!
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Cāpāla; khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesālī! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sārāṇḍada! Khả ái thay đền Cāpāla!

Này Ānanda, những ai đã tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điều luyện, thiện xảo, vững vàng, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay hơn một kiếp. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điều luyện, thiện xảo, vững vàng, này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay hơn một kiếp.

Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài người!” Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesālī! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sārāṇḍada! Khả ái thay đền Cāpāla!...

⁹⁰ Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. V. 258, *Cetiyasutta* (Kinh Đền thờ); A. IV. 308, *Bhūmicālasutta* (Kinh Động đất); Địa động kinh 地動經 (T.01. 0026.36. 0447b23); Tăng. 增 (T.02. 0125.42.5. 0753c11); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự 根本說一切有部毘奈耶雜事 (T.24. 1451.35. 0382b29).

Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài người!” Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

- Này Ānanda, hãy đi và làm những gì ông nghĩ là hợp thời!
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một gốc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ānanda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

“Này Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ thầy của mình, họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu.”

Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu.

Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

“Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta... những nam cư sĩ của Ta... những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... thuyết pháp thần diệu.”

Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo-ni... những nam cư sĩ... những nữ cư sĩ đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu.

Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

“Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh này của Ta chưa được thịnh hưng, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người.”

Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh của Thế Tôn đã được thịnh hưng, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người.

Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

– Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ! Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Cāpāla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Cân nhắc giữa Niết-bàn,	Và nguồn sanh của hữu,
Bậc Ẩn sĩ từ bỏ,	Các hành động sanh hữu,
Ưu thích hướng nội tâm,	Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đổ ngã sanh hữu,	Như phá tan áo giáp.

§2. KINH BẢY VỊ BỆN TÓC (*Sattajaṭilasutta*)⁹¹ (Ud. 64)

52. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvattthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy và đến ngồi tại cửa ngoài của lâu đài.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền-tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khất sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Vua Pasenadi nước Kosala nhìn thấy bảy vị bện tóc... qua Thế Tôn không xa bao nhiêu. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền-tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: “Thưa chư Tôn giả, con là Vua Pasenadi nước Kosala!”

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền-tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

⁹¹ Tham chiếu: S. I. 77, *Sattajaṭilasutta* (Kinh Bảy vị bện tóc); Tap. 雜 (T.02. 0099.1148. 0305c21); Biệt Tap. 別雜 (T.02. 0100.71. 0399a19); Xuất diệu kinh “Lợi dưỡng phẩm” 出曜經利養品 (T.04. 0212.14. 0687b07); Pháp tập yếu tụng kinh “Lợi dưỡng phẩm” 法集要頌經利養品 (T.04. 0213.13. 0783c04).

– Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

– Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ, trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trời buộc, quen dùng các loại chiên-đàn ở xứ Kāsī, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả. Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người, và như vậy, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý, không phải không có chú ý; phải có trí tuệ, không phải không có trí tuệ. Thưa Đại vương, chính phải có liên hệ mới biết được sự thanh liêm của một người, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý, không phải không có chú ý; phải có trí tuệ, không phải không có trí tuệ. Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý, không phải không chú ý; phải có trí tuệ, không phải với không có trí tuệ. Thưa Đại vương, chính phải đàm luận mới biết được trí tuệ của một người, phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được; phải có chú ý, không phải không chú ý; phải có trí tuệ, không phải với không có trí tuệ.

– Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: “Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải không có trí tuệ.” Bạch Thế Tôn, những người này là những người cải trang, những trình thám của con, những người trinh sát này sau khi đi trinh sát một nước, họ đến con. Trước hết, họ điều tra rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây, những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, họ được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Chớ siêng năng cố gắng,	Tại bất cứ chỗ nào,
Chớ trở thành là người,	Thuộc vào con người khác,
Chớ có sống ý lại,	Nương tựa vào người khác,
Chớ sống buồn bán pháp.	

§3. KINH QUÁN SÁT (*Paccavekkhaṇasutta*)⁹² (Ud. 66)

53. Như vậy tôi nghe.

⁹² Tham chiếu: Dh. v. 228; *Pháp cú kinh* “Phần nô phẩm” 法句經忿怒品 (T.04. 0210.25. 0568a03); *Pháp cú kinh* “Nê-hoàn phẩm” 法句經泥洹品 (T.04. 0210.36. 0573a23); *Pháp cú thi dụ kinh* “Phần nô phẩm” 法句譬喻經忿怒品 (T.04. 0211.25. 0596a05); *Xuất diệu kinh* “Nê-hoàn phẩm” 出曜經泥洹品 (T.04. 0212.27. 0730c06); *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ứng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ngồi quán sát các pháp bất thiện của mình được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, làm cho tăng trưởng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết các pháp bất thiện của mình đã được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, được làm cho sung mãn, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Trước có nay không có,	Trước không có nay có,
Đã không và sẽ không,	Và nay hiện không có. ⁹³

§4. KINH THỨ NHẤT VỀ NGOẠI ĐẠO (*Paṭhamanānāṭṭhiyasutta*) (Ud. 66)

54. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, một số đông các ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sāvatti để khát thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau. Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: “Như thế này là pháp, như thế này không phải pháp; như thế này không phải pháp, như thế này là pháp.”

Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatti để khát thực; khát thực ở Sāvatti xong, sau bữa ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

⁹³ Xem S. III. 55; *Pss. Breth.* v. 138.

– Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sāvattthi để khát thực... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp.”

– Nay các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết không phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh... như thế này là pháp.” Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, tại thành Sāvattthi này, có một ông vua, nay các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người: “Này người kia, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sāvattthi, hãy nhóm tất cả lại một chỗ.” “Thưa vâng, Đại vương.” Nay các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sāvattthi, người ấy giữ lại tất cả rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: “Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sāvattthi đã được tụ tập lại.”

“Này khanh, hãy đưa ra một con voi cho những người mù!” “Thưa vâng, Đại vương.” Nay các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: “Này các người mù, đây là con voi.” Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: “Này các người mù, đây là con voi.” Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: “Này các người mù, đây là con voi.” Đối với một số người mù, ông ta đưa cái ngà con voi và nói: “Này các người mù, đây là con voi.” Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: “Này các người mù, đây là con voi.” Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: “Này các người mù, đây là con voi.” Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân... Đối với một số người mù, ông ta đưa bắp đùi... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái nhóm lông đuôi và nói: “Này các người mù, đây là con voi.” Nay các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy; sau khi đến, tâu với vua: “Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời!” Rồi nay các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến, nói với họ: “Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa?” “Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi.” “Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào?” Nay các Tỷ-kheo, những ai thấy đầu con voi, họ nói như sau: “Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái ghế.” Nay các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái tai con voi, họ nói như sau: “Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái rô sàng gạo.” Nay các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái ngà con voi, họ nói như sau: “Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái cọc.” Những ai được thấy cái vòi... “... như cán cày.” Những ai được thấy cái thân... “... như cái kho chứa.” Những ai được thấy cái chân... “... như cái cột.” Những ai được thấy bắp đùi... “... như cái cối.” Những ai được thấy cái đuôi, họ nói như sau: “Thưa Đại vương, con voi là

như thế này, như cái chày.” Những ai được thấy cái nhóm lông đuôi, họ nói như sau: “Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chổi.” Họ nói: “ Như thế này là con voi, con voi không phải như vậy. Con voi không phải như vậy, như thế này là con voi.” Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt... như thế này là pháp.”

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Có một số Sa-môn,	Cùng với Bà-la-môn,
Quả thật họ chấp trước,	Trong các luận thuyết này,
Họ tranh luận, tranh chấp,	Họ nhìn chỉ một phía.

§5. KINH THỨ HAI VỀ NGOẠI ĐẠO (*Dutiyanānāṭṭhiyasutta*) (Ud. 69)

55. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bảy giờ, nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ trú ở Sāvatti, họ có quan điểm khác nhau, họ có kham nhẫn khác nhau, họ có sở thích khác nhau, họ y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau. Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Tự ngã và thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Một số Sa-môn, Bà-la-môn... “Tự ngã và thế giới là vô thường...”... “Tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường...”... “Tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thường...”... “Tự ngã và thế giới do tự mình tạo ra...”... “Tự ngã và thế giới do người khác tạo ra...”... “Tự ngã và thế giới do tự mình và người khác tạo ra...”... “Tự ngã và thế giới không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do vô nhân sanh, tự nhiên...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là vô thường...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thường...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là do tự mình tạo ra...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là do người khác tạo ra...”... “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là do tự mình và người khác tạo ra...” Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như sau, quan điểm như sau: “Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do vô nhân sanh.” Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: “Như thế này là pháp, như thế này không phải pháp; như thế này không phải pháp, như thế này là pháp.”

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Vương xá để khát thực; khát thực ở Vương xá xong, sau bữa ăn, trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ trú ở Sāvattthi... họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: “Như thế này là pháp, như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp, như thế này là pháp.”

– Nay các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết không phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: “Như thế này là pháp, như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp, như thế này là pháp.”

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Có một số Sa-môn,	Cùng với Bà-la-môn,
Quả thật họ chấp trước,	Trong các luận thuyết này,
Họ bị chìm đắm xuống,	Khi đang còn giữa dòng,
Họ không đạt đến được,	Đất cứng trên bờ kia.

§6. KINH THỨ BA VỀ NGOẠI ĐẠO (*Tatiyanānāttitthiyasutta*)⁹⁴ (Ud. 70)

56. (Giống kinh thứ hai về ngoại đạo, chỉ khác đoạn kết luận như sau:)

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Có người ở đời này,	Chấp “người làm là ta”,
Trói buộc với tư tưởng,	“Người làm là người khác”,
Họ không biết sự này,	Không thấy là mũi tên;
Ai nhìn mũi tên này,	Với thận trọng cần thiết,
Người ấy không còn chấp	“Người làm chính là ta”,
Người ấy cũng không chấp	“Người làm là người khác”;
Loài người ở đời này,	Bị kiêu mạn nhiếp phục,
Bị cột bởi kiêu mạn,	Bị trói bởi kiêu mạn,
Trong các loại chủ thuyết,	Họ cao ngạo, luận tranh,
Họ không thể vượt qua,	Luân chuyển trong sanh tử.

§7. KINH SUBHŪTI (*Subhūtisutta*)⁹⁵ (Ud. 71)

57. Như vậy tôi nghe.

⁹⁴ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

⁹⁵ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Subhūti⁹⁶ ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, nhập định Không tầm. Thế Tôn thấy Tôn giả Subhūti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, nhập định Không tầm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Với ai, tâm quét sạch,	Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn,	Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc,	Vượt khỏi bốn ách phược,
Không đi đến thọ sanh.	

§8. KINH NGƯỜI KỸ NỮ (*Gaṇikāsutta*)⁹⁷ (Ud. 71)

58. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, ở Vương Xá có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ, tâm bị ám ảnh, họ cạnh tranh, đấu tranh nhau. Họ đi đến đánh nhau bằng nắm tay, đánh nhau bằng cục đất, đánh nhau bằng gậy gộc, đánh nhau bằng kiếm. Họ đi đến chết, đi đến đau khổ gần như chết. Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực. Khát thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, trở về, các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở Vương Xá có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ... họ đi đến chết, đi đến đau khổ gần như chết.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Phàm cái gì đạt được,	Cái gì cần phải đạt,
Cả hai vương bụi trần,	Với kẻ bị bệnh hoạn,
Học tập chưa thuần thực.	Kẻ tinh chuyên học tập,
Sống giữ gìn giới cấm,	Ăn kham khổ Phạm hạnh,
Đây là một cực đoan,	Và có chủ thuyết rằng:
“Trong dục không lỗi lầm”,	Là cực đoan thứ hai.
Cả hai cực đoan này, ⁹⁸	Làm mộ phần tăng trưởng,
Và chính mộ phần này,	Làm tăng trưởng tà kiến.
Những ai không thắng tri,	Cả hai cực đoan này,
Có kẻ bị chìm đắm,	Có kẻ chạy quá mau.

⁹⁶ Tu-bồ-đề, Ngài được xem như vị sống viễn ly đệ nhất.

⁹⁷ Tham chiếu: *Netti*. 128; *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

⁹⁸ *SnA*. 350 giải thích như sau: Hai cực đoan là khổ hạnh và dục lạc. Cả 2 đều sai lạc, *yañca pattanti* nghĩa là trạng thái khổ đau của những người tự làm khổ mình. Còn *yañca pattaṇṇanti* là quả tương lai của người đắm say dục lạc. Các mộ phần chỉ cho ái và vô minh, 2 thứ này khiến tà kiến tăng trưởng.

Những ai thắng tri chúng,	Không ở chỗ của chúng,
Không có suy tư vậy,	Không có tự quá mạn,
Họ không có luân chuyển,	Đề được tuyên bố lên. ⁹⁹

§9. KINH LAO VÀO (*Upātidhāvantisutta*)¹⁰⁰ (Ud. 72)

59. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, trong đêm tối mù mịt, với những cây đèn dầu đang chói sáng. Lúc bấy giờ, nhiều loại côn trùng có cánh bay liệng tới lui rơi vào trong những đèn dầu ấy và gặp phải tai nạn, gặp phải hoại diệt, gặp phải tai nạn hoại diệt. Thế Tôn thấy nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào...

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Họ vẫn đang lao vào,	Nhưng không đến cốt lõi,
Họ làm cho tăng trưởng,	Các trói buộc mới mẻ,
Như các loại côn trùng,	Rơi vào trong ánh sáng,
Có người dâng đời mình,	Cho điều được thấy, nghe.

§10. KINH XUẤT HIỆN (*Uppajjantisutta*)¹⁰¹ (Ud. 72)

60. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến khi nào các Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, không hiện hữu ở đời, cho đến khi ấy, các du sĩ ngoại đạo được cung kính, được tôn trọng, được đánh lễ, được cúng dường, được tôn kính, nhận được các vật dụng, như: Y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Nhưng đến khi các Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hiện hữu ở đời, cho đến khi ấy, các du sĩ ngoại đạo, không được cung kính, không được tôn trọng, không được đánh lễ, không được cúng dường, không được tôn kính, không nhận được các vật dụng, như: Y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng, như: Y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh; chúng Tỷ-kheo cũng như vậy.

⁹⁹ Xem S. III. 59; IV. 391.

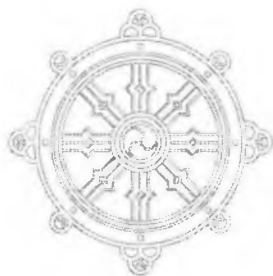
¹⁰⁰ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

¹⁰¹ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

– Đúng như vậy, này Ānanda. Cho đến khi nào các Như Lai không xuất hiện ở đời... được phẩm trị bệnh. Nhưng đến khi các Như Lai xuất hiện ở đời... được phẩm trị bệnh. Này Ānanda, nay Thế Tôn được cung kính... chúng Tỷ-kheo cũng vậy.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng:

Con đom đóm chiếu sáng,	Khi mặt trời chưa mọc,
Khi mặt trời mọc lên,	Ánh sáng đom đóm diệt,
Cũng vậy là ánh sáng,	Của các nhà ngoại đạo,
Khi bậc Chánh Đẳng Giác,	Chưa xuất hiện ở đời.
Các nhà ưa biện luận,	Không có được thuần tịnh,
Cũng vậy đệ tử chúng.	Còn các nhà tà kiến,
Họ không được giải thoát,	Khỏi các sự đau khổ.



VII. PHẨM NHỎ (CŪḬAVAGGA)

§1. KINH THỨ NHẤT VỀ LAKUḬAKA BHADDIYA (*Paṭhamalakunḁakabhaddiyasutta*)¹⁰² (Ud. 74)

61. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḁika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Lakuḁaka Bhaddiya. Do Tôn giả Sāriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả Lakuḁaka Bhaddiya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakuḁaka Bhaddiya, do Tôn giả Sāriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Trên dưới khắp tất cả,	Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán,	“Cái này chính là tôi.”
Giải thoát vậy vượt dòng,	Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt,	Vào sanh hữu thọ sanh.

§2. KINH THỨ HAI VỀ LAKUḬAKA BHADDIYA (*Dutiyalakunḁakabhaddiyasutta*)¹⁰³ (Ud. 74)

62. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḁika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta nghĩ Tôn giả Lakuḁaka Bhaddiya là một vị Hữu học nên đã trình bày pháp thoại gồm nhiều cách thức tu tập hơn nữa, đã khích lệ, làm phấn khởi, làm hoan hỷ. Thế Tôn thấy Tôn giả Sāriputta nghĩ Tôn giả Lakuḁaka Bhaddiya là một vị Hữu học nên đã trình bày pháp thoại gồm nhiều cách thức tu tập hơn nữa, đã khích lệ, làm phấn khởi, làm hoan hỷ.

¹⁰² Xem *Netti*. 63, 128; *Pe*. 23, 147.

¹⁰³ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Nê-hoàn phẩm” 法句經泥洹品 (T.04. 0210.36. 0573a23); *Xuất diệu kinh* “Nê-hoàn phẩm” 出曜經泥洹品 (T.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Cắt đứt được luân hồi,	Đạt được sự không dục,
Hoàn toàn được khô cạn,	Nước sông không chảy nữa,
Luân hồi đứt, không quay,	Là giải thoát đau khổ.

§3. KINH THỨ NHẤT VỀ CHÚNG SANH (*Paṭhamasattasutta*)¹⁰⁴ (Ud. 75)

63. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, nhiều người ở Sāvatthi phần lớn đắm say quá độ về các dục, sống say đắm, tham đắm, tham muốn, đắm mê, bị trói buộc, bị mê say trong các dục. Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khát thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau buổi ăn, trên đường trở về, họ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, những người ở Sāvatthi... bị mê say trong các dục.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Chúng sanh bị tham đắm,	Trong các loại ái dục,
Họ không thấy lỗi lầm,	Trong phiền não kiết sử.
Chắc chắn các chúng sanh,	Tham đắm trong kiết sử,
Họ không vượt qua được,	Bộc lưu rộng và lớn.

§4. KINH THỨ HAI VỀ CHÚNG SANH (*Dutiyasattasutta*)¹⁰⁵ (Ud. 75)

64. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, nhiều người ở Sāvatthi phần lớn đắm say quá độ về các dục... (như kinh 63)... bị mê say trong các dục. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy các người ấy ở Sāvatthi... bị mê say trong các dục.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Bị mù bởi các dục,	Bị bao phủ bởi lưới,
Bị ái dục bao trùm,	Lại còn bị trói buộc,

¹⁰⁴ Tham chiếu: *Pe.* 1, 23; *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

¹⁰⁵ Tham chiếu: *Thag.* v. 295; *Netti.* 33, 128; *Pe.* 23; *Pháp cú kinh* “Ái dục phẩm” 法句經愛欲品 (T.04. 0210.32. 0570c16); *Xuất diệu kinh* “Ái phẩm” 出曜經愛品 (T.04. 0212.3. 0632b23); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tham phẩm” 法集要頌經食品 (T.04. 0213.3. 0778b15).

Bởi thân bằng phóng dật,
Họ đi đến già chết,

Như cá mắc miệng lưới,
Như bê bú sữa mẹ.

§5. KINH KHÁC VỀ LAKUṆḌAKA BHADDIYA

(*Aparalakunḍakabhaddiyasutta*)¹⁰⁶ (Ud. 76)

65. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Lakuṇḍaka Bhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakuṇḍaka Bhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo tỏ vẻ xem thường; thấy vậy, nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy chăng, Tỷ-kheo này từ đằng xa... bị các Tỷ-kheo tỏ vẻ xem thường?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần lực, có đại uy lực. Thiện chúng nào trước đây chưa từng chứng được bởi Tỷ-kheo ấy là thiện chúng không dễ gì chứng được. Và vì mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Bộ phận không khuyết thiếu,
Chỉ có một cãm xe,
Hãy thấy vị ấy đến,
Dòng nước đã cắt đứt,

Có tán trắng che trên,
Chiếc xe được di chuyển.¹⁰⁷
Không phiền muộn khó khăn,
Vị ấy không trôi buộc.

§6. KINH ÁI ĐƯỢC DIỆT (*Taṇhāsankhayasutta*)¹⁰⁸ (Ud. 76)

66. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

¹⁰⁶ Tham chiếu: S. IV. 291, *Paṭhamakāmaḥāsutta* (Kinh thứ nhất về Kāmaḥā); Pe. 23; *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

¹⁰⁷ Theo *Chủ giải*, bộ phận không khuyết thiếu tức là vị ấy có giới hoàn toàn trong sạch; tán trắng che trên ý nói trạng thái hoàn toàn thanh tịnh, sự giải thoát của bậc đã đạt quả A-la-hán; một cãm xe chỉ cho chánh niệm; chiếc xe tức là bản thân của vị ấy.

¹⁰⁸ Tham chiếu: A. II. 6, *Appassutasutta* (Kinh Nghe ít); A. II. 27, *Ariyavamsasutta* (Kinh Truyền thống bậc Thánh); A. III. 46, *Sappurisasutta* (Kinh Bậc chân nhân); Dh. v. 230; *Pháp cú kinh* “Phần nô phẩm” 法句經忿怒品 (T.04. 0210.25. 0568a03); *Pháp cú thí dụ kinh* “Phần nô phẩm” 法句譬喻經忿怒品 (T.04. 0211.25. 0596a05); *Xuất diệu kinh* “Văn phẩm” 出曜經聞品 (T.04. 0212.23. 0720c08); *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Đa văn phẩm” 法集要頌經多聞品 (T.04. 0213.22. 0788a04); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

Lúc bảy giờ, Tôn giả Aññatakoṇḍañña ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đang quán sát lại sự giải thoát do ái được diệt. Thế Tôn thấy Tôn giả Aññatakoṇḍañña ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đang quán sát lại sự giải thoát do ái được diệt.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Rễ không có bén đất,	Không lá, đâu dây leo,
Bậc trí thoát trói buộc,	Ai dám chê vị ấy,
Chư thiên khen vị ấy,	Phạm thiên cũng ngợi khen.

§7. KINH ĐOẠN DIỆT CHƯỚNG NGẠI (*Papañcakhayasutta*)¹⁰⁹ (Ud. 77)

67. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát lại sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng, chướng ngại của mình.¹¹⁰ Rồi Thế Tôn, sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng, chướng ngại của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Với ai các chướng ngại,	Không còn có an trú,
Thoát ly được dây xích,	Thoát ly được thanh chắn, ¹¹¹
Chư thiên và thế giới,	Không thể nào xem thường,
Sở hành vị ẩn sĩ,	Đã vượt khỏi tham ái.

§8. KINH KACCĀNA (*Kaccānasutta*)¹¹² (Ud. 77)

68. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bảy giờ, Tôn giả Mahākaccāna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả Mahākaccāna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Với ai thường thường niệm,	Liên tục trú thân hành,
“Trước không thể có được,	Với tôi, sẽ không có, ¹¹³

¹⁰⁹ Tham chiếu: *Netti*. 33; *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

¹¹⁰ Là tham, sân, si, kiến, ái, mạn.

¹¹¹ Theo *Chú giải*, “dây xích” chỉ cho tham ái và tà kiến, làm ngăn ngại việc tiến vào công thành Niết-bàn; “thanh chắn” chỉ cho vô minh, làm ngăn ngại việc phân biệt rõ.

¹¹² Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Duy niệm phẩm” 法句經惟念品 (T.04. 0210.6. 0561a16); *Xuất diệu kinh* “Duy niệm phẩm” 出曜經惟念品 (T.04. 0212.16. 0698b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ưc niệm phẩm” 法集要頌經憶念品 (T.04. 0213.15. 0784b14).

¹¹³ Theo *Chú giải*, không có ở đây là không có tự ngã, ngũ uẩn.

Sẽ không thể có được,
Tiếp tục trú như vậy,

Với tôi, nay sẽ không.”
Đúng thời vượt tham ái.

§9. KINH GIẾNG NƯỚC (*Udapānasutta*)¹¹⁴ (*Ud.* 78)

69. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallā cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến làng Bà-la-môn của dân chúng Mallā tên là Thūṇa. Các Bà-la-môn gia chủ ở Thūṇa được nghe: “Sa-môn Gotama từ dòng họ Thích-ca xuất gia, đang bộ hành giữa dân chúng Mallā cùng với đại chúng Tỷ-kheo, nay đã đến Thūṇa.” Họ đổ đầy miệng giếng với cỏ và trấu với ý nghĩ: “Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống.”

Rồi Thế Tôn, từ trên đường bước xuống, đi đến dưới một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!

Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy bị các gia chủ Bà-la-môn ở Thūṇa lấp đầy miệng với cỏ và trấu với ý nghĩ: “Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống.”

Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy... “... không có nước uống.”

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, lấy bình bát, đi đến cái giếng ấy. Tại cái giếng ấy, khi Tôn giả Ānanda đi đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng, và nước trong sáng, không cầu uế, trong lặng, tràn đầy miệng, tưởng như là tràn ra ngoài.¹¹⁵ Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: “Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay, là đại thần lực, đại uy lực của Như Lai! Cái giếng này khi ta đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng... như là tràn ra ngoài.” Rồi Tôn giả Ānanda cầm lấy bát nước, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay, là đại thần lực... như là tràn ra ngoài! Bạch Thế Tôn, hãy uống nước! Bạch Thiện Thệ, hãy uống nước!

¹¹⁴ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Thủy phẩm” 出曜經水品 (T.04. 0212.18. 0706c07); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Thủy dụ phẩm” 法集要頌經水喻品 (T.04. 0213.17. 0785c02).

¹¹⁵ Lúc trước nước sâu phải dùng dây, nay nước tràn miệng giếng, con quạ có thể uống được (*Chú giải*).

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Cần làm gì với giếng,
Chặt đứt ái từ gốc,

Khi nước có cùng khắp,
Cần hành, tâm cầu gì?

§10. KINH UDENA (*Udenasutta*)¹¹⁶ (*Ud.* 79)

70. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Vua Udena đang đi ngoài vườn thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sāmāvatī. Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Kosambī để khát thực. Các Tỷ-kheo ấy khát thực ở Kosambī xong, sau buổi ăn, trên đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi Vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sāmāvatī. Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

– Này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dự lưu, có bậc Nhất lai, có bậc Bất lai. Này các Tỷ-kheo, tất cả các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Đời bị si trói buộc,
Bị trói bởi sanh y,
Tự thấy mình thường còn,
Sẽ không có vật gì.¹¹⁷

Được thấy bị tái sanh,
Kẻ ngu bị mù vậy,
Nhưng với ai thấy được,

¹¹⁶ Bản PTS, Tích Lan và Thái Lan viết *Udenasutta*. Bản CST viết *Utenasutta*. Xem *Netti*. 56, *Paññattihāravibhaṅga* (*Phân tích cách truyền đạt bằng sự mô tả*).

¹¹⁷ Bộ *Netti* giải thích là tham, sân, si.

VIII. PHẨM DÂN LÀNG PĀṬALI (PĀṬALIGĀMIYAVAGGA)

§1. KINH THỨ NHẤT LIÊN HỆ ĐẾN NIẾT-BÀN (*Paṭhamanibbānapaṭisaṃyuttasutta*)¹¹⁸ (Ud. 80)

71. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

– Nay các Tỷ-kheo, có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tướng phi phi tướng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả mặt trăng và mặt trời. Và tại đây, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

§2. KINH THỨ HAI LIÊN HỆ ĐẾN NIẾT-BÀN (*Dutiyanibbānapaṭisaṃyuttasutta*)¹¹⁹ (Ud. 80)

72. (Như kinh thứ nhất liên hệ đến Niết-bàn, chỉ khác lời cảm hứng).

Khó thấy là vô ngã,
VớI bậc có hiểu biết,
VớI vị ấy thấy rõ,

Không dễ thấy sự thật,
Khéo thấu suốt được ái,
Đâu còn có vật gì.

¹¹⁸ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Nê-hoàn phẩm” 法句經泥洹品 (T.04. 0210.36. 0573a23); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

¹¹⁹ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Nê-hoàn phẩm” 法句經泥洹品 (T.04. 0210.36. 0573a23); *Xuất diệu kinh* “Nê-hoàn phẩm” 出曜經泥洹品 (T.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

§3. KINH THỨ BA LIÊN HỆ ĐẾN NIẾT-BÀN**(*Tatiyanibbānapaṭisaṃyuttasutta*)¹²⁰ (Ud. 80)****73.** (Như kinh thứ nhất liên hệ đến Niết-bàn, chỉ khác lời cảm hứng).

– Đây các Tỷ-kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi. Đây các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì rằng, đây các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.

§4. KINH THỨ TƯ LIÊN HỆ ĐẾN NIẾT-BÀN**(*Catutthanibbānapaṭisaṃyuttasutta*)¹²¹ (Ud. 81)****74.** (Như các kinh trước, chỉ khác lời cảm hứng).

– Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động; cái gì không có nương tựa, cái ấy không có dao động; không có dao động thì có khinh an; có khinh an thì không có thiên về; không có thiên về thì không có đến và đi; không có đến và đi thì không có diệt và sanh; không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có khoảng giữa hai đời. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

§5. KINH CUNDA (*Cundasutta*)¹²² (Ud. 81)**75.** Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallā, cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến Pāvā. Rồi Thế Tôn trú ở Pāvā, tại rừng xoài của thợ rèn Cunda. Thợ rèn Cunda được nghe: “Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallā, đã đến Pāvā cùng với đại chúng Tỷ-kheo và trú ở Pāvā, trong rừng xoài của ta.” Thợ rèn Cunda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thợ rèn Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

¹²⁰ Tham chiếu: *Netti*. 56; *Xuất diệu kinh* “Nê-hoàn phẩm” 出曜經泥洹品 (T.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

¹²¹ Tham khảo: S. IV. 55, *Channasutta* (Kinh Channa); *Pháp cú kinh* “Nê-hoàn phẩm” 法句經泥洹品 (T.04. 0210.36. 0573a23); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

¹²² Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn); A. V. 263, *Cundasutta* (Kinh Cunda); *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chướng phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (T.24. 1451.35. 0382b29).

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thợ rèn Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thợ rèn Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ rồi báo tin cho Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

– Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta! Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo!

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

– Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn! Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi người, ở ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đào lỗ chôn món ăn mộc nhĩ còn lại, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lý huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh.

Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kusinārā!

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

Dùng cơm Cunda xong,
Bạc trí cảm bệnh nặng,
Khi ăn loại mộc nhĩ,
Khi bệnh được lắng dịu,
“Ta nay sẽ đi đến,

Như vậy tôi được nghe,
Bạo bệnh, gần như chết,
Đạo sư bị bệnh nặng,
Thế Tôn nói như sau:
Đến Kusinārā.”

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy xếp tư áo *Saṅghāṭi*! Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ānanda.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo *Saṅghāṭi* lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta! Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước!

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthā không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta! Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước!

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthā không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta! Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước!

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ānanda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục.

Tôn giả Ānanda tự nghĩ: “Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục.” Sau khi dùng bát lấy nước, Ānanda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

– Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthā, xuống sông tắm và uống nước, rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và nói với Tôn giả Cundaka:

– Này Cundaka, hãy xếp áo *Saṅghāṭi* làm bốn cho Ta, này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ!

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo *Saṅghāṭi* làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tướng ngòai dậy, Tôn giả Cundaka ngòai phía trước Thế Tôn.

Đức Phật tự đi đến,	Con sông Kakutthā,
Con sông chảy trong sáng,	Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một,	Đi dần xuống mé sông,
Như Lai, đáng Vô Thượng,	Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong, uống nước xong,	Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo Sư đi trước,	Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo.
Vừa đi vừa diễn giảng,	Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi bậc Đại Sĩ đến,	Tại khu vực rừng xoài,
Cho gọi vị Tỷ-kheo,	Tên họ Cundaka:
“Hãy gấp tư y lại,	Trải y cho Ta nằm!”
Nghe dạy, Cundaka,	Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải y,	Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống,	Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây, Cundaka,	Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận: “Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho ông, thật là tai hại cho ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ ông cúng dường và nhập diệt!” Này Ānanda, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn Cunda: “Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường và nhập diệt! Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: ‘Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai? Một là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng giác; hai là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử.’ Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi trời; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền.” Này Ānanda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hối hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Công đức người bố thí,	Luôn luôn được tăng trưởng,
Người đang tự chế ngự,	Không chất chứa hận thù.
Kẻ chí thiện từ bỏ,	Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si,	Tâm giải thoát thanh tịnh.

§6. KINH DÂN LÀNG PĀṬALI (*Pāṭaligāmiyasutta*)¹²³ (Ud. 85)

76. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Magadha cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến làng Pāṭali. Các nam cư sĩ ở làng Pāṭali được nghe: “Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Magadha với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến làng Pāṭali.” Rồi các nam cư sĩ ở làng Pāṭali đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ làng Pāṭali bạch Thế Tôn:

– Mong Thế Tôn trú ở giảng đường chúng con.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi các nam cư sĩ ở làng Pāṭali, sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến giảng đường; sau khi đến, họ cho trải thảm toàn bộ giảng đường, sửa soạn các chỗ ngồi, đặt một ghè nước, cho treo đèn dầu, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, các nam cư sĩ ở làng Pāṭali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, giảng đường đã được trải thảm, các chỗ ngồi đã sửa soạn, ghè nước đã đặt xong, đèn dầu đã được treo, Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là hợp thời!

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến giảng đường; sau khi đến, rửa chân, bước vào giảng đường, lưng đối nơi cây cột ở giữa, ngồi hướng mặt về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, ngồi xuống lưng đối bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông có đức Phật trước mặt. Các nam cư sĩ ở làng Pāṭali, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, đối bức tường phía Đông, mặt hướng về phía Tây và ngồi xuống với đức Phật ở trước mặt.

Rồi Thế Tôn bảo các nam cư sĩ ở làng Pāṭali:

– Nay các gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người không giữ giới, người phạm giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, do nhân duyên phóng dật, nên hao mất tài sản lớn; đây

¹²³ Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; D. III. 207, *Saṅgītisutta* (Kinh Phúng tụng), số 33; A. III. 252, *Sīlasutta* (Kinh Giới); Vin. I. 199; *Xuất diệu kinh* “Thùy phẩm” 出曜經水品 (T.04. 0212.18. 0706c07); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Thùy dụ phẩm” 法集要頌經水喻品 (T.04. 0213.17. 0785c02); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (T.24. 1451.35. 0382b29).

là nguy hiểm thứ nhất cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, tiếng xấu đồn xa; đây là nguy hiểm thứ hai cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới khi đến hội chúng nào, hoặc là hội chúng Sát-đế-ly, hoặc là hội chúng Bà-la-môn, hoặc là hội chúng gia chủ, hoặc là hội chúng Sa-môn, vị ấy đến với sự sợ hãi, với sự ngỡ ngàng; đây là nguy hiểm thứ ba cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, khi chết bị si ám; đây là nguy hiểm thứ tư cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các gia chủ, người không giữ giới, người phạm giới, khi thân hoại mạng chung bị sanh vào ác xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; đây là nguy hiểm thứ năm cho người không giữ giới, cho người phạm giới. Này các gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người không giữ giới, cho người phạm giới.

Này các gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, do nhân duyên không phóng dật được tài sản lớn; đây là lợi ích thứ nhất cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, tiếng tốt lành được đồn xa; đây là lợi ích thứ hai cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi đi đến hội chúng nào, hoặc là Sát-đế-ly hoặc là Bà-la-môn, hoặc là gia-chủ, hoặc là Sa-môn, người ấy đi đến không có sợ hãi, không có ngỡ ngàng; đây là lợi ích thứ ba cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, khi chết không có si ám; đây là lợi ích thứ tư cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này; đây là lợi ích thứ năm cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Này các gia chủ, có năm lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.

Rồi Thế Tôn, sau khi thuyết giảng pháp thoại đến đêm khuya cho các cư sĩ ở làng Pāṭali, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền giải tán chúng, nói rằng:

– Đêm đã khuya, này các gia chủ, hãy làm những gì các vị nghĩ là hợp thời!

Rồi các gia chủ ở làng Pāṭali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi các nam cư sĩ ở làng Pāṭali ra đi không bao lâu, đi vào căn nhà trống. Lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, đại thần ở Magadha đang cho xây dựng một thành phố ở Pāṭaligāma để ngăn chặn các người Vajjī. Lúc bấy giờ, rất nhiều chư thiên, có đến con số ngàn, đang trú tại các trú xứ ở làng Pāṭali. Tại chỗ nào các chư thiên có đại uy lực trú ở, tại chỗ ấy họ làm cho tâm các vua, các đại thần có đại uy lực thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ. Tại

chỗ nào các chư thiên có uy lực trung bình trú ở, tại chỗ ấy họ làm cho tâm các vua, các vị đại thần có uy lực trung bình thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ. Tại chỗ nào các chư thiên thấp kém trú ở, tại chỗ ấy, họ làm cho tâm các vua, các đại thần có uy lực thấp kém thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.

Thế Tôn với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy hàng ngàn chư thiên ở làng Pāṭali đang trú tại các trú xứ ở làng Pāṭali. Tại chỗ nào các chư thiên có đại uy lực trú ở... họ làm cho tâm các vua, các đại thần uy lực thấp kém thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.

Rồi Thế Tôn, vào lúc tảng sáng đêm ấy, thức dậy và bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, ai cho xây dựng thành phố ở làng Pāṭali?

– Bạch Thế Tôn, các đại thần Sunīdha và Vassakāra cho xây dựng thành phố ở làng Pāṭali để ngăn chặn các người Vajjī.

– Này Ānanda, ví như họ làm như vậy sau khi đã hỏi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Cũng vậy, Sunīdha và Vassakāra, đại thần ở Magadha đang cho xây dựng thành phố ở làng Pāṭali để ngăn chặn các người Vajjī.

Ở đây, này Ānanda, với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy hàng ngàn chư thiên ở làng Pāṭali... hướng về xây dựng các trú xứ. Này Ānanda, xa cho đến Thánh xứ, xa cho đến con người buôn bán, tại đây sẽ trở thành một thành phố đứng đầu Pāṭaliputta, một chỗ mà các kiện hàng được mở ra. Này Ānanda, ba tai nạn sẽ đến với Pāṭaliputta, nạn lửa, nạn lụt và nạn phản bội.

Rồi Sunīdha và Vassakāra, đại thần ở Magadha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha, bạch Thế Tôn:

– Mong Tôn giả Gotama hôm nay nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Sunīdha và Vassakāra, đại thần Magadha, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đi đến chỗ của mình; sau khi đến, sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm rồi báo thời giờ cho Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến trú xứ của Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha, tỳ tay thân mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha, sau khi Thế Tôn ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế ngồi thấp khác, ngồi xuống một bên. Thế Tôn với những bài kệ này, nói lên lời tùy hỷ công đức với Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha:

Tại chỗ nào bậc trí,	Làm thành chỗ an trú,
Hãy cúng các món ăn,	Cho những người giữ giới,
Cho người biết chế ngự,	Sống đời sống Phạm hạnh.
Ở đây, chư thiên trú,	Hãy cúng dường chư thiên,
Được cúng dường, chư thiên,	Cúng dường lại vị ấy,
Được cung kính, chư thiên,	Cung kính lại vị ấy,
Họ từ mãn vị ấy,	Như mẹ thương con mình,
Người được chư thiên thương,	Luôn gặp điều tốt lành.

Rồi Thế Tôn, sau khi nói lời tùy hỷ công đức với những bài kệ này cho Sunīdha và Vasakāra, đại thần xứ Magadha, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, đại thần xứ Magadha, đi theo sau lưng Thế Tôn và nghĩ rằng: “Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra cửa nào, cửa ấy sẽ đặt tên là cửa thành Gotama. Tại bến nước nào Sa-môn Gotama sẽ đi qua sông Hằng, bến nước ấy sẽ đặt tên là bến nước Gotama.” Và cửa nào Thế Tôn đã đi ra khỏi, các vị ấy đặt tên là cửa thành Gotama. Và Thế Tôn đi đến sông Hằng, nước sông tràn đầy đến bờ, con quạ có thể uống được, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một số người cột chiếc bè để đi qua sông. Rồi như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang đuổi ra; cũng vậy, Thế Tôn biến mất từ bờ bên này sông Hằng và đứng qua bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn thấy các người ấy, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một số người cột lại chiếc bè để qua sông; sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ:

Sau khi làm cái cầu,	Họ vượt qua sông suối,
Họ vượt qua hồ nước,	Họ vượt qua đầm lầy,
Có người đang cột bè,	Bậc trí đã qua sông.

§7. KINH CON ĐƯỜNG RỄ (*Dvidhāpathasutta*)¹²⁴ (Ud. 90)

77. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi giữa đường cùng với Tôn giả Nāgasamāla, là Sa-môn tùy tùng. Tôn giả Nāgasamāla giữa đường thấy một con đường rễ, thấy vậy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này!

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Nāgasamāla:

– Này Nāgasamāla, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này!

Lần thứ hai... đi con đường này.

Lần thứ ba, Tôn giả Nāgasamāla bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này!

¹²⁴ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

Lần thứ ba, Thế Tôn nói:

– Này Nāgasamāla, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này.

Rồi Tôn giả Nāgasamāla đặt xuống đất y và bát của Thế Tôn, bỏ đi và nói:

– Bạch Thế Tôn, đây là y bát của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nāgasamāla đi theo con đường ấy, giữa đường bị các tên cướp xuất hiện đánh bằng tay hay chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y của Tôn giả. Rồi Tôn giả Nāgasamāla với bình bát bị vỡ, với thượng y bị xé rách, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nāgasamāla bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi con đường ấy, các tên cướp xuất hiện đánh con bằng tay hay bằng chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Cùng đi với kẻ ngu,
Khi biết nó là ác,
Như con điệt uống sữa,

Người trí phải chen vai,
Lập tức từ bỏ nó,
Loại bỏ phần nước ra.

§8. KINH VISĀKHĀ (*Visākhāsutta*)¹²⁵ (Ud. 91)

78. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Đông Viên Lộc Mầu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visākhā, mẹ của Migāra, khả ái và dễ thương bị mạng chung. Và Visākhā, mẹ của Migāra, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, sáng sớm đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Này Visākhā, bà từ đâu đến, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?

– Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mạng chung. Cho nên con, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy.

– Này Visākhā, bà có muốn con và cháu đông như người ở Sāvattthi không?

– Bạch Thế Tôn, con muốn con và cháu đông như người ở Sāvattthi.

– Nhưng này Visākhā, có bao nhiêu người ở Sāvattthi mạng chung hàng ngày?

– Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sāvattthi mạng chung hàng ngày, chín... tám... bảy... sáu... năm... bốn... ba... hai. Bạch Thế Tôn, có một người ở Sāvattthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, Sāvattthi không có thoát được số người bị chết.

¹²⁵ Tham chiếu: *Netti*. 63; *Pe*. 1; *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

– Bà nghĩ thế nào, này Visākhā? Như vậy, bà có khi nào được khỏi áo bị ướt, hay khỏi tóc bị ướt không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn. Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu!

– Này Visākhā, những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có một trăm sự đau khổ. Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ấy có chín mươi sự đau khổ. Những ai có tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ. Những ai có bảy mươi... có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi... có hai mươi... có mười... có chín... có tám... có bảy... có sáu... có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng, họ là người không có sầu, không có tham đắm, không có ưu não.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Sầu, than và đau khổ,	Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,	Không thân ái, chúng không.
Do vậy người an lạc,	Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,	Không có người thân ái.
Do vậy ai tha thiết,	Được không sầu, không tham,
Chớ làm thân, làm ái,	Với một ai ở đời.

§9. KINH THỨ NHẤT VỀ DABBA (*Paṭhamadabbasutta*)¹²⁶ (*Ud. 92*)

79. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Dabba Mallaputta¹²⁷ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Dabba Mallaputta bạch Thế Tôn:

– Nay đã đến thời, con nhập Niết-bàn, bạch Thiện Thệ.

– Này Dabba, ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Dabba Mallaputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn. Khi Tôn giả Dabba Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi

¹²⁶ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Nê-hoàn phẩm” 法句經泥洹品 (T.04. 0210.36. 0573a23); *Xuất diệu kinh* “Nê-hoàn phẩm” 出曜經泥洹品 (T.04. 0212.27. 0730c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Viên tịch phẩm” 法集要頌經圓寂品 (T.04. 0213.26. 0790b16).

¹²⁷ Xem *Vin. II. 76-80*; *Thag. v. 5*. Ngài có khả năng dùng hỏa giới để đốt cháy sáng ngón tay, dùng như ngọn đuốc ban đêm. Đức Phật và Tỳ-kheo-ni Uppalavannā cũng có thần thông này (*Vin. I. 25*; *Thig. v. 224-6*). Trong *S. V. 270*, thủy giới có thể dùng để tạo sự di động do Tôn giả Mục-kiền-liên.

định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả Dabba Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Thân bị hoại, tướng diệt,	Mọi thọ được nguội lạnh,
Các hành được lắng dịu,	Thức đến chỗ dừng nghỉ.

§10. KINH THỨ HAI VỀ DABBA (*Dutiyadabbasutta*)¹²⁸ (*Ud.* 93)

80. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Dabba Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn... hay có tro có thể thấy được. Ví như bơ hay dầu... hay có tro có thể thấy được... không còn có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

Như tia lửa cháy sáng,	Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,	Sanh thú không biết được.
Cũng vậy là những bậc,	Đã chon chánh giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,	Trói buộc bởi các dục,
Họ đạt được an lạc,	Không có bị dao động,
Họ không có sanh thú,	Để có thể chỉ bày.

¹²⁸ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).